



**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Hôm nay, ngày 20 tháng 06 năm 2025, tại Khách sạn Hilton Saigon, số 11 Công Trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

1. Ông Nguyễn Quốc Minh – Trưởng Ban
2. Bà Bùi Thị Tuyết Minh – Thành viên
3. Ông Nguyễn Tường Pha – Thành viên

Theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket, Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty với kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (ngày 10/03/2025): 223 cổ đông, đại diện cho 4.800.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 223 cổ đông, đại diện cho 4.800.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Mỗi cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết tại Đại hội.
- Tính đến thời điểm 9 giờ 00 phút ngày 20/06/2025, tổng số cổ đông có mặt tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua ủy quyền): **42 cổ đông, đại diện cho 4.389.807 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 91,45% tổng số phiếu biểu quyết** của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket.

Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 20/06/2025 và đã được đọc công khai trước Đại hội./.

THÀNH VIÊN

NGUYỄN TƯỜNG PHA

THÀNH VIÊN

BÙI THỊ TUYẾT MINH

TRƯỞNG BAN

NGUYỄN QUỐC MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket.

Hôm nay, ngày 20 tháng 06 năm 2025, tại Khách sạn Hilton Saigon, số 11 Công Trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, Ban kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Quốc Minh – Trưởng Ban
2. Bà Bùi Thị Tuyết Minh – Thành viên
3. Ông Nguyễn Tường Pha – Thành viên

Đã tiến hành kiểm kê và tổng hợp kết quả biểu quyết các nội dung làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket, kết quả như sau:

- ❖ Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu.
- ❖ Mỗi cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết.
- ❖ Tổng số cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội là 48 cổ đông, đại diện cho 4.389.824 phiếu biểu quyết.

Tổng số Tờ Phiếu biểu quyết phát ra: 48 Tờ Phiếu, đại diện cho 4.389.824 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

Tại thời điểm kiểm Phiếu biểu quyết vào 11 giờ 30 phút:

Tổng số Tờ Phiếu biểu quyết thu về: 37 Tờ Phiếu, đại diện cho 4.389.802 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

- ❖ **Kết quả kiểm Phiếu biểu quyết từng nội dung như sau:**

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
1	Báo cáo của	Tổng	4.389.802	100,00000%	Tán thành	4.389.801	99,99998%

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
	Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2025	Hợp lệ	4.389.801	99,99998%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	1	0,00002%	Không có ý kiến	0	0,00%
2	Báo cáo của Hội đồng quản trị tại ĐHD CĐ thường niên năm 2025	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%
3	Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHD CĐ thường niên năm 2025	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%
4	Thông qua kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%
5	Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025	Tổng	4.389.802	100,00000%	Tán thành	3.429.801	78,13%
		Hợp lệ	4.389.801	99,99998%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	1	0,00002%	Không có ý kiến	960.000	21,87%
6	Tờ trình về báo cáo thù	Tổng	4.389.802	100,00000%	Tán thành	4.389.801	99,99998%



STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
	lao TV HDQT, TV BKS, Người phụ trách quản trị Công ty, luong thành viên HDQT chuyên trách năm 2024 và Kế hoạch thù lao TV HDQT, TV BKS, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025	Hợp lệ	4.389.801	99,99998%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	1	0,00002%	Không có ý kiến	0	0,00%
7	Tờ trình về việc đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%
8	Tờ trình về báo cáo các giao dịch với các bên liên quan đã được HDQT phê duyet	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%
9	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%

STT	Nội dung	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)	Kết quả	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (*)
	sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028	Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%
10	Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	Tổng	4.389.802	100,00%	Tán thành	4.389.802	100,00%
		Hợp lệ	4.389.802	100,00%	Không tán thành	0	0,00%
		Không hợp lệ	0	0,00%	Không có ý kiến	0	0,00%

(*) tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

❖ **Kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát**

- Mỗi cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết tương ứng với một (01) phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát
 - Tổng số Tờ Phiếu bầu thành viên BKS phát ra: 48 Tờ Phiếu, đại diện cho 4.389.824 phiếu bầu.
- Tại thời điểm kiểm phiếu bầu vào 11 giờ 30 phút:
- Tổng số Tờ Phiếu bầu thành viên BKS thu về: 37 Tờ Phiếu, đại diện cho 4.389.802 phiếu bầu.

Trong đó: + Số Tờ Phiếu hợp lệ: 37 Tờ Phiếu, đại diện cho 4.389.802 phiếu bầu.

+ Số Tờ Phiếu không hợp lệ: 0 Tờ Phiếu, đại diện cho 0 phiếu bầu.

- Kết quả bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số phiếu bầu	Kết quả
1	Trương Thị Tố Nga	Thành viên BKS	4.389.802	Trúng cử

Ban kiểm phiếu xin xác nhận kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket.

Biên bản kiểm phiếu gồm được lập xong vào hồi 11 giờ 45 phút ngày 20/06/2025 và đã được đọc công khai trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket./.

THÀNH VIÊN



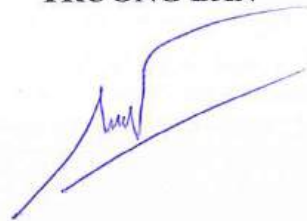
NGUYỄN TƯỜNG PHA

THÀNH VIÊN



BÙI THỊ TUYẾT MINH

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN QUỐC MINH





**CHƯƠNG TRÌNH
 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

(Thứ Sáu, ngày 20/6/2025)

tại khách sạn Hilton Saigon, số 11 Công Trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1,
 TP. Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	THỰC HIỆN	Thời gian dự kiến
I. Thủ tục khai mạc 1. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự 2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội 3. Thông qua quy chế làm việc và biểu quyết 4. Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban Kiểm Phiếu 5. Thông qua chương trình Đại hội	Ban tổ chức Đại hội	8h30 – 9h00
II. Nội dung Đại hội		09h00
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2025	Phó Tổng Giám Đốc	09h00 – 09h40
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	Đoàn Chủ tịch	
3. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	Trưởng Ban kiểm soát	
4. Thông qua kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	Kế toán trưởng	
5. Thông qua các tờ trình:		
5.1 Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025	Đoàn Chủ tịch	09h40 – 10h40
5.2 Tờ trình về báo cáo thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty, lương thành viên HĐQT chuyên trách năm 2024 và Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025	Đoàn Chủ tịch	
5.3 Tờ trình về việc đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	Đoàn Chủ tịch	
5.4 Tờ trình về báo cáo các giao dịch với các bên liên quan đã được HĐQT phê duyệt.	Đoàn Chủ tịch	
5.6 Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028	Đoàn Chủ tịch	
5.7 Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.	Trưởng Ban kiểm soát	
6. Thảo luận, giải đáp các ý kiến cổ đông	Đoàn Chủ tịch	
7. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025		11h00 – 11h10
8. Bầu cử thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2023 – 2028 8.1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028	Ban tổ chức Đại hội	11h10 – 11h20

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	THỰC HIỆN	Thời gian dự kiến
8.2. Giới thiệu và thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 8.3. Thực hiện Bầu cử thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2023 – 2028		
9. Hội nghị giải lao		11h20 – 11h30
10. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết và kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2023 – 2028	Ban kiểm phiếu	11h30 – 11h40
III. Tổng kết Đại hội 1. Đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội 2. Biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội 3. Bế mạc Đại hội	Ban thư ký Đoàn Chủ tịch	11h40 – 11h55

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

LƯU THỊ TUYẾT MAI



QUY CHẾ LÀM VIỆC **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025** **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 10/3/2025 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung

khác tại Đại hội (nếu có);

- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội; Báo cáo Ban Kiểm soát tại Đại hội; Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không có ý kiến vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 10/3/2025) tổng số cổ phần của Công ty là: 4.800.000 cổ phần tương đương với 4.800.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu để ghi nhận kết quả biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của

cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

LƯU THỊ TUYẾT MAI



CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/BC-CM-TGD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 Kế hoạch nhiệm vụ năm 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương Thực Thực phẩm Colusa - Miliket về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Lương Thực Thực phẩm Colusa - Miliket, Tổng Giám đốc báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch nhiệm vụ năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Thuận lợi:

- Trong năm 2024, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị trong việc hoạch định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành Công ty bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đã có những quyết sách kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình thực tế và quan trọng nhất là phát huy được tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ, đồng lòng của tập thể người lao động trong Công ty, biến thách thức, khó khăn thành cơ hội thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

- Công ty luôn liên tục chọn lọc nguồn nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe nhất theo các tiêu chuẩn chất lượng ISO, tăng cường sử dụng các nguồn nguyên liệu nhập khẩu đưa vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đồng thời, Công ty đang tập trung các nguồn lực để hướng đến mục tiêu NET ZERO (mục tiêu phát thải ròng bằng 0), kết hợp ứng dụng công nghệ Plasma, xây dựng kế hoạch liên kết để hướng tới có được các tín chỉ carbon từ vùng nguyên liệu, sản xuất lúa xanh như: trồng lúa Plasma – gạo Plasma – sản xuất chế biến sản phẩm sau gạo để thành chuỗi giá trị hàng xuất đảm bảo tiêu chí giảm phát thải. Đây cũng là những tiêu chí quan trọng nhất để thực hiện tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị), là một trong những mục tiêu quan trọng mà Công ty hướng đến trong năm 2024.

- Bên cạnh các tiêu chuẩn quản lý chất lượng hiện có của Công ty, Công ty cũng đang tập trung hoàn thiện để đạt các tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu khó tính như việc Công ty vừa hoàn thành đăng ký bổ sung HALAL cho các sản phẩm xuất sang thị trường Guyana, Campuchia, Thái Lan... ; đã tiến hành tập huấn để xin cấp chứng chỉ KOSHER để đạt tiêu chuẩn thực phẩm Do Thái, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu sản phẩm Colusa – Miliket đến các thị

trường người Hồi Giáo; trong tháng 7/2024, Công ty đã được Eurofins cấp Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế FSSC 22000.

- Nhằm góp phần phát triển đa dạng, phong phú hương vị của các sản phẩm hiện nay trên thị trường quốc tế, Công ty đã nghiên cứu và phát triển các công thức sản phẩm mới nhằm đáp ứng thị hiếu của khách hàng cũng như yêu cầu, quy chuẩn của các thị trường nhập khẩu khác nhau, ví dụ như Ba Lan, Bắc Mỹ, Israel, Châu Âu, Samoa, New Zealand,...

- Trong năm 2024, Công ty đã kết hợp cùng đối tác để xây dựng chiến lược marketing xuyên suốt trong năm 2024 trên các nền tảng online (mạng xã hội) và offline, trong đó tập trung vào việc quảng bá hình ảnh của Colusa – Miliket tại sự kiện Tempest Concert (diễn ra vào ngày 15/6/2024) và sự kiện HOZO 2024 (diễn ra vào các ngày 13, 14, 15/12/2024).

2. Khó khăn:

- Trong năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, xung đột chính trị, quân sự tiếp tục leo thang; kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm, thiếu vững chắc và không đồng đều.

- Gia tăng xung đột vũ trang và rủi ro địa chính trị tiếp tục ảnh hưởng lớn đến sự phục hồi của nền kinh tế thế giới và hoạt động thương mại toàn cầu. Rủi ro liên quan đến xung đột vũ trang tăng mạnh do xung đột đang diễn ra ở Trung Đông, các cuộc tấn công vào tàu thuyền ở Biển Đỏ, tình trạng an ninh suy giảm rõ rệt ở các khu vực châu Phi cận Sahara và xung đột vẫn tiếp diễn tại Ukraine. Xung đột ở Trung Đông gia tăng khiến cho nguồn cung dầu giảm đã làm cho giá cước tàu đã tăng mạnh từ đầu năm 2024 và giá hàng hóa cũng tăng đột biến do các hãng tàu phải chuyển hướng vận chuyển hàng hóa vòng qua mũi Hảo Vọng với quãng đường xa gấp đôi.

- Bên cạnh đó, tình hình biến động tỷ giá USD tăng tuy mang lại lợi ích cho Nhà xuất khẩu nhưng lại gây bất lợi cho Nhà nhập khẩu làm cho giá sản phẩm nhập khẩu ở các nước sở tại cũng sẽ tăng. Từ đó, ảnh hưởng việc lấy đơn hàng để tiêu thụ của khách hàng, có nguy cơ làm giảm số lượng đơn hàng.

- Những quy định mới khắt khe về yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa thực phẩm xuất vào các quốc gia Châu Âu cũng là một trở ngại rất đáng lưu ý. Do đó, Công ty phải tiến hành rà soát, đề xuất phương án đầu tư và làm việc với Nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào đảm bảo yêu cầu để kiểm soát vấn đề trên.

- Trong khi đó, người tiêu dùng có xu hướng cắt giảm chi tiêu và thận trọng hơn với các thói quen chi tiêu thường nhật, bao gồm cả các chi tiêu thiết yếu và thực phẩm. Trong bối cảnh đó, hầu hết các mặt hàng tiêu dùng đều tăng giá bởi lượng giá nguyên liệu đầu vào cũng tăng liên tục.

- Trong công tác sản xuất, đầu tư:

+ Mặt bằng nhà xưởng của Công ty mặc dù liên tục được sửa chữa, cải tạo nhưng vẫn thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa.

+ Cơ sở hạ tầng cũ, diện tích các kho tương đối nhỏ, chiều cao mái tôn kho bị giới hạn, dẫn tới việc đầu tư lắp khung kệ nhiều tầng không khả thi không đạt hiệu quả cao với chiều cao mái hiện hữu, không đáp ứng được nhu cầu lưu trữ hàng hóa hiện nay, đặc biệt trong mùa mưa và đối với các yêu cầu ngày càng khắt khe của các khách hàng Xuất khẩu.

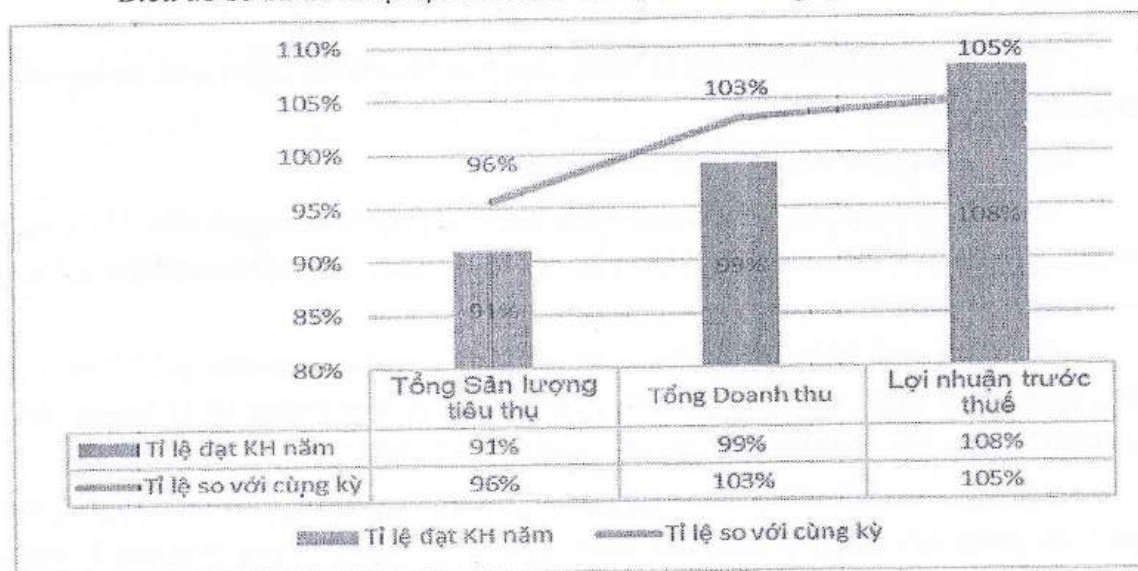
+ Tình trạng máy móc của Công ty hiện tại nhiều thiết bị đã cũ (hơn 20 năm), mặc dù thường xuyên được bảo trì, sửa chữa nhưng vẫn xảy ra tình trạng hư hỏng trong quá trình sản xuất vì không đồng bộ.

II. CÁC CÔNG TÁC ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2024:

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2024			So sánh cùng kỳ 2023		
			KH năm	TH năm	Tỷ lệ đạt/KH	TH năm	Tỷ lệ tăng trưởng	Chênh lệch (2024 - 2023)
1	SL Tiêu thụ theo nhóm hàng	Tấn	19.000	17.225	91%	17.982	-4,4%	-757
	+ Mi:	"	17.429	16.188	93%	16.803	-3,7%	-615
	+ Các SP Gạo:	"	1.447	924	64%	1.089	-15,2%	-165
	+ SP khác:	"	124	113	91%	90	+26%	+23
2	SL Tiêu thụ theo khu vực	Tấn						
	+ Nội địa:	"	17.398	15.414	89%	16.482	-6,5%	-1.068
	+ Xuất khẩu:	"	1.602	1.811	113%	1.500	+21%	+311
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	765,5	760,0	99%	735,6	+3%	+24,4
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27	29,2	108%	27,9	+5%	+1,3

Biểu đồ so sánh Tỷ lệ đạt KH năm 2024, so với cùng kỳ năm 2023



2. Các công việc đã thực hiện trong năm 2024:

3.1. Công tác Kế hoạch cung ứng:

3.1.1. Về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất:

- Trong năm 2024, các Phòng ban nghiệp vụ (Phòng KHCU, P.KDNĐ, P.KDXK và Nhà máy sản xuất) đã liên tục kết hợp trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất hàng ngày, hàng tuần,

hàng tháng phù hợp với thực tế tiêu thụ. Tỷ lệ đáp ứng đơn hàng đạt 99% so với kế hoạch đã đề ra, đảm bảo KH sản xuất luôn được cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu.

- Đối với các đơn hàng Xuất khẩu: thường xuyên cân đối kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng nguyên vật liệu, đề xuất cho kiểm dự trữ để không bị động khi có đơn hàng đột xuất và tiết kiệm tối đa chi phí kiểm nhanh.

3.1.2. Về công tác cung ứng nguyên phụ liệu sản xuất:

- Tối ưu hóa quy trình đặt hàng hiệu quả, bao gồm việc đặt hàng theo Sản lượng lớn, lâu dài để nhận được mức giá ưu đãi. Xem xét thời điểm đặt hàng để tận dụng các chương trình khuyến mãi hoặc giảm giá.

- Đa dạng hóa nguồn cung: Thành công trong việc tìm kiếm và hợp tác với các nhà cung cấp mới, giúp giảm thiểu rủi ro và tăng tính cạnh tranh về giá.

- Tổ chức đấu thầu việc cung ứng vật tư, nhằm đảm bảo tính minh bạch, giá cả cạnh tranh, công bằng, chất lượng đáp ứng yêu cầu.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên và quy trình làm việc hiệu quả, nhằm nâng cao nhận thức về tiết kiệm chi phí.

- Sử dụng SAP để tự động hóa quy trình làm việc, theo dõi tồn kho và phân tích dữ liệu, giúp tiết kiệm thời gian và giảm thiểu sai sót.

3.1.3. Về việc kiểm soát tồn kho:

- Xây dựng tồn kho Max, Min, Tồn kho An toàn... cho từng nguyên vật liệu, nhằm đảm bảo không để tồn nhiều gây lãng phí hoặc thiếu hụt, gây ảnh hưởng đến KHSX & bán hàng.

- Thường xuyên đảo kho, kiểm soát FIFO... không để mối mọt, bể vỡ, hư hỏng vật tư trong kho.

- Thường xuyên kiểm tra thực tế HSD, cập nhật báo cáo để kiểm soát, không để vật tư cận hoặc hết hạn sử dụng.

3.2. Công tác Kinh doanh xuất khẩu:

- Trong năm 2024, sản lượng xuất khẩu 2024 vượt 13% kế hoạch năm 2024, tăng 21% so với cùng kỳ 2023. Doanh thu xuất khẩu của năm 2024 vượt 41% kế hoạch năm 2024, tăng 54% so với cùng kỳ năm trước.

- Các nước xuất khẩu truyền thống của Colusa - Miliket như đảo quốc Samoa, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu (Ba Lan, Đức,...) đều có sản lượng tăng và số lượng các mặt hàng cao cấp (Ly, Tô, Mì trộn) tăng cao so với cùng kỳ năm 2023.

- Đặc biệt, năm 2024 Colusa – Miliket đã thành công trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm của Công ty sang các nước như Israel, Na Uy, New Zealand, Canada. Đây là các khách hàng có nhiều yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nhưng đồng thời cũng là những đối tác giàu tiềm năng.

- Tính trong năm 2024, công tác phát triển sản phẩm mới cho thị trường Xuất khẩu ghi nhận 41 sản phẩm xuất khẩu mới, chiếm 18% tổng sản lượng xuất khẩu năm 2024, doanh thu khoảng 29,08 tỷ đồng, chiếm 24 % tổng doanh thu xuất khẩu 2024.

3.3. Công tác Kinh doanh nội địa:

- Công ty đã liên tục triển khai kế hoạch thúc đẩy bán hàng để các khu vực chủ động thực hiện các chương trình bán hàng, kích thích điểm bán.

- Trong năm 2024, Công ty đã liên tục đánh giá chất lượng / hiệu quả của các nhân sự, NPP, và đã có những điều chuyển phù hợp theo từng thị trường.

- Hiện Công ty đã và đang thực hiện chuyển đổi các nhân viên suất hỗ trợ sang nhân viên bán hàng chuyên, và cơ cấu tuyển giám sát các khu vực có sản lượng ổn định với mục tiêu gia tăng bao phủ, SKU và tạo tiền đề nền tảng tăng trưởng có lộ trình khi nhà máy mới ra đời.

- Về công tác marketing:

+ Công ty đã liên tục triển khai thực hiện các hoạt động sampling giới thiệu sản phẩm và thực hiện chương trình quảng bá sản phẩm Colusa – Miliket tới tay người tiêu dùng trên cả nước.

+ Liên tục thực hiện các chương trình Hội chợ, triển lãm để quảng bá thương hiệu Colusa

- Miliket trong năm 2024:

➤ Hội chợ Tết Công Đoàn Đà Nẵng : 18/1 đến 21/01/2024.

➤ HCM City Export: từ ngày 15/5 đến 18/5/2024.

➤ Kết nối chuỗi cung ứng hàng hóa Quốc Tế Sourcing – TPHCM: 06/6 đến 08/6/2024.

➤ Hội nghị kết nối cung cầu Tp.HCM và các tỉnh: 25/9 đến 29/9/2024

➤ Vietnam Foodexpo 2024: 13/11 đến 16/11/2024.

➤ Festival Vĩnh Long: 16/11 đến 23/11/2024.

➤ Triển lãm Quốc phòng Quốc tế 2024 tổ chức tại TP Hà Nội: từ 19/12 đến 22/12/2024

➤ Hội chợ Kích cầu tiêu dùng chào đón năm mới 2025: 26/12 đến 31/12/2024

+ Công ty đã kết hợp với đối tác chiến lược thực hiện Chương trình marketing trọng điểm trong năm 2024:

➤ Thực hiện hoạt động bán hàng, quảng bá thương hiệu Colusa – Miliket tại sự kiện Tempest concert tại Nhà thi đấu Phú Thọ - TPHCM (vào ngày 15/6/2024).

➤ Thực hiện các hoạt động quảng cáo thương hiệu Colusa – Miliket theo từng chủ đề trên các phương tiện thông tin đại chúng như Facebook, Tik Tok, báo điện tử,...

➤ Chương trình marketing trọng điểm trong năm 2024: lần thứ 3, Colusa – Miliket quay trở lại với tư cách Nhà đồng hành xanh tại “Liên hoan âm nhạc quốc tế TP. HCM lần thứ 4 – “Hò dô” 2024” diễn ra trong 03 ngày 13/12/2024, 14/12/2024 và 15/12/2024 tại trung tâm TPHCM. Theo đó, Công ty tập trung vào chủ đề “Liên kết thể hệ - gắn kết tình thân” và truyền tải các thông điệp về sản phẩm xanh, bảo vệ môi trường. Tại sự kiện đã có hơn 10.000 người tới tham quan gian hàng trải nghiệm và sử dụng sản phẩm của Công ty tại gian hàng ẩm thực.

3.4. Công tác sản xuất:

- Trong năm 2024, Công ty liên tục vận hành, áp dụng, kết hợp có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2018, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018, HACCP, hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001, hệ thống quản lý môi trường ISO 140001, hệ thống an

toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế FSSC 22000, tiêu chuẩn thực phẩm Hồi giáo (chứng nhận HALAL).

- Tiên phong ứng dụng thành công công nghệ Plasma vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, mang lại sự ổn định cho chất lượng sản phẩm, tốt cho sức khỏe người tiêu dùng

- Công ty cũng thực hiện nhiều giải pháp để giám sát chặt việc thực hiện giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu so với định mức, tăng tỉ lệ thu hồi thành phẩm, từ đó giảm chi phí giá thành để đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý sản xuất.

3.5. Công tác Công nghệ chế biến:

- Trong năm 2024, Công ty đã liên tục làm nhiều sản phẩm mới, điều chỉnh chất lượng các sản phẩm hiện có để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thị trường, điển hình như:

+ Chào mẫu cho nhiều khách hàng xuất khẩu: 364 mẫu sản phẩm các loại cho 70 khách hàng Xuất khẩu.

+ Làm các sản phẩm mới cho thị trường nội địa: Mi chay rau củ; Mi tô trộn phô mai cay Hàn Quốc; Hủ tiếu tô trộn rong biển; Mi tô trộn rong biển; các sản phẩm Phở, Hủ tiếu, Cháo sử dụng Bột xà lách, Mi kraft trộn các loại... Tổng cộng 19 loại sản phẩm.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình nhập hàng nguyên phụ liệu, trong quá trình sản xuất và trong quá trình lưu kho.

- Công tác Môi trường: vận hành hệ thống XLNT, thu gom bùn thải, đo khói thải định kỳ; hệ thống hoạt động ổn định, đạt theo các tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

3.6. Công tác đầu tư – dự án:

- Kế hoạch đầu tư mua sắm năm 2024 đã được HĐQT duyệt là 67,9 tỷ đồng. Trong năm 2024, Công ty đã quyết toán hoàn thành các hạng mục sửa chữa, mua sắm, đầu tư với tổng giá trị 34,2 tỷ đồng (chiếm 50% trong tổng kế hoạch chi phí đã được duyệt).

- Các hạng mục đầu tư thực hiện đều được Công ty tham khảo, so sánh giá với thị trường, giám sát chặt chẽ và có tiết kiệm chi phí, cho nên giá trị hoàn thành/quyết toán của một số hạng mục thấp hơn giá trị được duyệt.

- Đồng thời, Công ty luôn bám sát tình hình thực tế để quyết định đầu tư những hạng mục mang tính cần thiết nhất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, mạnh dạn tạm ngưng những hạng mục chưa mang tính cấp thiết, từ đó tiết giảm được chi phí đầu tư năm 2024 so với kế hoạch năm 2024 đã được duyệt.

- Về tiến độ thực hiện dự án đầu tư di dời nhà máy: hiện Công ty đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án, và sẽ có báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông sau.

3.7. Công tác tài chính kế toán:

- Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo đúng các chính sách pháp luật trong công tác tài chính kế toán và các quy chế, quy định của Công ty.

- Định kỳ cập nhật vào giá thành sự thay đổi chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu và chi phí sản xuất khác. Định giá vốn để làm cơ sở xác định giá bán cho sản phẩm.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ công nợ phải thu, không để công nợ phát sinh tồn đọng.

- Thường xuyên rà soát chi phí để kịp thời thay đổi chính sách bán hàng từng thời kỳ, đáp ứng tình hình thị trường biến động không ngừng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết hợp với đơn vị kiểm toán hoàn tất kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024.

3.8. Công tác tổ chức hành chính:

- Công tác tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh: đã tuyển nhân sự đáp ứng đủ cho các dây chuyền sản xuất của Công ty và hoạt động kinh doanh theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh với tổng số nhân sự là 786 nhân sự.

- Thực hiện cơ cấu, sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự tại các phòng ban theo vị trí chức năng, để chuyên môn hóa theo từng lĩnh vực. Sắp xếp, luân chuyển vị trí làm việc của các phòng ban thuận tiện hơn với từng vị trí, thuận lợi cho quá trình liên hệ công tác giữa các bộ phận. Thực hiện công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm CB-CNV đáp ứng nhu cầu công tác, phù hợp với vị trí và định hướng phát triển, xây dựng Công ty.

- Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật lao động về thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, đóng bảo hiểm bắt buộc đầy đủ, giải quyết chế độ ốm đau, thai sản kịp thời.

- Thực hiện thanh toán tiền lương tháng, tiền lương bổ sung đầy đủ, chính xác, phù hợp với ngày công và vị trí công việc đảm nhận. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát – team building tại Phan Thiết, chi tiền ngày Tết âm lịch, Tết dương lịch, các ngày lễ lớn trong năm; tặng quà Tết trung thu; tổ chức cuộc thi nấu ăn, tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày lễ 8/3, 20/10, ...

- Tổ chức bếp ăn tập thể, tăng cường bữa ăn phụ, bữa ăn giữa ca, luôn bảo đảm an toàn thực phẩm, sử dụng nguyên liệu rõ nguồn gốc xuất xứ, nhân viên cấp dưỡng được đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân thủ đúng quy trình chế biến.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025:

1. Nhận định tình hình chung:

- Năm 2025 dự báo tình hình địa chính trị trên thế giới có sự bất ổn với nhiều diễn biến khó lường sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động xuất khẩu cũng như nhập khẩu vì tăng chi phí vận tải đường biển, phòng vệ thương mại, tỷ giá, hàng rào kỹ thuật thương mại...

- Trước tình hình đó, hiện nay Công ty đã liên tục thực hiện cải tiến về chất lượng sản phẩm, đưa ra được nhiều sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, tập trung khai thác những kênh bán hàng mới.

Trên cơ sở đó, Công ty đề ra kế hoạch nhiệm vụ trong năm 2025 như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	TH năm 2024	KH năm 2025	Tỉ lệ tăng trưởng
1	Tổng Sản lượng theo nhóm	Tấn	17.225	19.000	+10,6%

STT	Diễn giải	ĐVT	TH năm 2024	KH năm 2025	Tỉ lệ tăng trưởng
	hàng, bao gồm:				
	+ Mi	“	16.188	18.036	+11,4%
	+ Các sản phẩm từ gạo	“	924	841	-9%
	+ Các sản phẩm khác	“	113	94	-17%
2	Tổng Sản lượng theo khu vực, bao gồm:	Tấn			
	+ Nội địa	“	15.414	17.340	+12,5%
	+ Xuất khẩu	“	1.811	1.660	-8,3%
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	760,0	868,7	+14%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29,2	29,0	-0,7%

Ghi chú: Riêng chỉ tiêu xây dựng lợi nhuận kế hoạch năm 2025 giảm là bởi doanh thu hoạt động tài chính giảm do lãi suất tiền gửi năm 2025 thấp hơn 2024, thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do chính sách thuế nhập khẩu của các nước, giá nguyên vật liệu liên tục leo thang, tiền thuê đất năm 2025 tăng cao so với năm 2024.

2. Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2025:

- Hoàn chỉnh phần mềm quản trị doanh nghiệp SAP Business One trong việc quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó tiếp tục triển khai các giải pháp quản trị bán hàng bằng phần mềm tới toàn bộ hệ thống bán hàng của Công ty.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ để đưa ra các sản phẩm có chất lượng tốt, thân thiện với môi trường.

- Tập trung phát triển các kênh bán hàng hiện đại, nhằm nâng cao vị thế các sản phẩm Colusa – Miliket trên thị trường, song song với việc duy trì các giá trị truyền thống của Công ty. Nâng cao chất lượng của đội ngũ bán hàng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

- Tiếp tục mở rộng thị trường Xuất khẩu, trong đó đặc biệt chú trọng việc trực tiếp đưa các sản phẩm Colusa – Miliket sang thị trường Thế giới.

- Hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án đầu tư, di dời nhà máy sản xuất tại Miền Nam, và sẽ có báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông sau.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 (để báo cáo);
- Hội đồng Quản trị, BKS (để báo cáo);
- Ban Tổng giám đốc (để chỉ đạo);
- Lãnh đạo các phòng ban (để thực hiện);
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HOÀNG NGÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/BC-CM-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket về việc xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch năm 2025 tại Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 và có các ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chi tiết thống kê các phiên họp HĐQT: Tổng số buổi họp: 07 buổi

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do
01	Lưu Thị Tuyết Mai	CT HĐQT	7/7	100%	
02	Trần Hoàng Ngân	PCT HĐQT	7/7	100%	
03	Hoàng Ngọc Thanh	TV HĐQT	7/7	100%	
04	Trịnh Đặng Khánh Toàn	TV HĐQT	7/7	100%	
06	Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	7/7	100%	

Nội dung các cuộc họp trong năm 2024 của Hội đồng quản trị đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện các Hợp đồng / giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng

ngày với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

Các nội dung này đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: không có

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (VNĐ)
1	Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch HĐQT	267 triệu đồng
2	Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,87 tỷ đồng
3	Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	846 triệu đồng
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	220 triệu đồng
5	Trịnh Đặng Khánh Toàn	Thành viên HĐQT	228 triệu đồng

5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác cho thấy Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện công việc trong quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, và theo các văn bản pháp luật liên quan.

II. VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

1. Tình hình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Trong năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, xung đột chính trị, quân sự tiếp tục leo thang; kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm, thiếu vững chắc và không đồng đều.

- Trong nước, trong năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp vô vàn khó khăn, đơn hàng sụt giảm. Người tiêu dùng có xu hướng cắt giảm chi tiêu và thận trọng hơn với các thói quen chi tiêu thường nhật, bao gồm cả các chi tiêu thiết yếu và thực phẩm. Trong khi đó, hầu hết các mặt hàng tiêu dùng đều tăng giá bởi lượng giá nguyên liệu đầu vào cũng tăng liên tục.

- Nhận định được tình hình trong bối cảnh như trên, ngay từ đầu năm 2024, Công ty đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy bán hàng, thực hiện nhiều chương trình marketing hỗ trợ bán hàng. Đồng thời Công ty đã khai thác thêm được các khách hàng xuất khẩu mới, tăng thêm được sản lượng những khách hàng xuất khẩu cũ, tích cực tham dự các Hội chợ xúc tiến thương mại trong năm 2024 cũng đã góp phần tăng được Doanh thu trong năm 2024.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

TT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch 2024	TH năm 2024	Tỷ lệ đạt/KH (%)	Cùng kỳ năm 2023	Tỷ lệ TH 2024 so với TH 2023 (%)
1	Tổng sản lượng	Tấn	19.000	17.225	91%	17.982	96%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	765,5	760	99%	735,6	103%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27	29,2	108%	27,9	105%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,6	23,05	107%	20,9	110%

Đề xuất Tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt: 13% / Vốn điều lệ, tương đương 1.300 đồng / 1 cổ phần (6.240.000.000 đồng);

Phần Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại của năm 2024 là 7.243.657.403 đồng (khoảng 15%/vốn điều lệ) sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất để phân phối sau.

3. Tình hình quản lý nợ phải thu phải trả:

Không để phát sinh công nợ tồn đọng, khó đòi.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:

STT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch năm
01	Sản lượng	Tấn	19.000
02	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	868,7
03	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29

Đề nghị Ban Lãnh Đạo Công ty:

- Thực hiện quản lý tốt trong công tác sản xuất, thực hiện tốt công tác tiết kiệm, định mức trong sản xuất và đạt được hiệu quả lợi nhuận cao.

- Thực hiện đẩy mạnh hơn nữa trong công tác phát triển thị trường, tập trung làm công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng nhằm phát triển sản lượng, doanh số.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, theo dõi, giám sát chặt công nợ, hàng hóa bán theo kế hoạch đảm bảo không để phát sinh công nợ tồn đọng.

- Hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án đầu tư, di dời nhà máy sản xuất tại Miền Nam, và sẽ có báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông sau.

- Tiếp tục rà soát và đánh giá chất lượng các sản phẩm lưu thông trên thị trường tại khu vực miền Bắc, đặc biệt là các sản phẩm được gia công sản xuất tại miền Bắc để xử lý triệt để các vấn đề tồn tại trong hoạt động gia công, có phương án sản xuất hợp lý, khả thi và đảm bảo chất lượng ổn định.

Trên đây là báo cáo của hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

LƯU THỊ TUYẾT MAI



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/BC-CM-BKS

TP.HCM, ngày 20 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát báo cáo các hoạt động trong năm 2024 của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket (sau đây gọi tắt là “Công ty”) theo những nội dung sau:

1. Nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên. Trong năm 2024, thành phần Ban Kiểm Soát không có biến động. Danh sách 03 (ba) thành viên Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:
 - + Ông Hoàng Hùng - Trưởng ban
 - + Bà Bùi Thị Tuyết Minh - Kiểm soát viên
 - + Ông Phạm Nguyên Bình - Kiểm soát viên.
- Các hoạt động thường kỳ của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:
 - + Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2024, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và tham gia các kỳ họp của Hội đồng quản trị;
 - + Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024.
 - + Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Vốn Điều lệ	48.000.000.000	48.000.000.000
2	Tổng tài sản	291.417.884.225	300.344.738.451
3	Quỹ đầu tư phát triển	11.596.210.988	14.361.131.431

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
4	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	136.536.000.000	179.193.850.000
5	Doanh thu bán hàng & CCDV	723.287.328.054	744.403.717.267
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.019.473.647)	(4.689.578.941)
7	Doanh thu thuần bán hàng & CCDV	719.267.854.407	739.714.138.326
8	Giá vốn hàng bán	538.138.943.768	534.814.779.504
9	Lợi nhuận gộp bán hàng & CCDV	181.128.910.639	204.899.358.822
10	Chi phí bán hàng	123.166.187.568	142.859.175.750
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.233.327.728	47.418.453.808
12	Doanh thu hoạt động tài chính	12.162.788.706	15.224.142.697
13	Chi phí tài chính	139.421.818	255.021.150
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>21.801.924</i>	<i>9.266.951</i>
14	Lợi nhuận trước thuế	27.917.732.517	29.231.014.240
15	Thuế TNDN	6.998.269.917	6.179.233.620
15	Lợi nhuận sau thuế	20.919.462.600	23.051.780.620
16	Lãi cơ bản/cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.517	3.770

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (VNĐ)
1	Hoàng Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	248 triệu đồng
2	Bùi Thị Tuyết Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	113 triệu đồng
3	Phạm Nguyên Bình	Thành viên Ban Kiểm soát	111 triệu đồng

4. Các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện các Hợp đồng / giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

Các nội dung này đã được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác công bố thông tin:

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận các khoản doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định.

- Báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của bộ tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với các số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC (không có yếu tố bị loại trừ).
- Giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, đặc biệt là các quy định về công bố thông tin Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên. Danh sách 05 (năm) thành viên Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:
 - + Bà Lưu Thị Tuyết Mai - Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Trần Hoàng Ngân - Phó Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Hoàng Ngọc Thanh - Thành viên HĐQT
 - + Ông Trịnh Đăng Khánh Toàn - Thành viên HĐQT
 - + Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đảm bảo tuân thủ luật pháp và an toàn cho cổ đông/người lao động trong Công ty. Để đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã họp thông qua các nội dung về báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch của năm 2025 để trình thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Hội đồng quản trị cũng đã thống nhất nội dung về Quỹ thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và người phụ trách quản trị Công ty; xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh; các giao dịch với các bên liên quan; miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

7. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty: Trong năm 2024, Công ty thực hiện các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ đã thông qua như sau:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ Đạt/KH	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH 2024/2023
Tổng Sản Lượng (tấn)	19.000	17.225	91%	17.982	96%
Tổng Doanh thu (tỷ đồng)		760		735,6	
<i>Trong đó:</i>	765		99%		103%
<i>giảm trừ doanh thu</i>		(4.6)		(4)	
Lợi nhuận T.Thuế (tỷ đồng)	27	29.2	108%	27,9	105%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	22	23	107%	20.9	110%

- Sản lượng: đạt 17.225 tấn đạt 91% so với kế hoạch thực hiện năm 2024; giảm 757 tấn so với năm 2023 tương đương giảm 4%;
- Tổng doanh thu đạt 99% so kế hoạch tuy nhiên vượt 3% so với cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 108% so với kế hoạch và vượt 5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2024, Công ty đã liên tục cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm các sản phẩm truyền thống, áp dụng công nghệ Plasma trong quá trình sản xuất sản phẩm, nghiên cứu và đưa ra nhiều sản phẩm mới (Hũ tiêu tồ, Mi tồ, Mi kraft trộn mới ...) điều chỉnh chất lượng các sản phẩm hiện có để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thị trường, phát triển kênh bán hàng mới.

Đồng thời trong năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn do đơn hàng sụt giảm và giá cả nguyên phụ liệu đầu vào tăng liên tục gây áp lực cho công ty. Người tiêu dùng có xu hướng cắt giảm chi tiêu và thận trọng hơn với các thói quen chi tiêu thường nhật, bao gồm cả các chi tiêu thiết yếu và thực phẩm dẫn đến sản lượng tiêu thụ hàng hóa cũng bị sụt giảm.

Các dây chuyền máy móc thiết bị đã sử dụng nhiều năm chưa được đầu tư tự động hóa, tần suất hỏng hóc ngày càng nhiều dẫn đến giá thành sản phẩm cũng tăng cao.

Thị trường Xuất khẩu: Trong năm 2024, Công Ty đạt được nhiều khởi sắc trong thị trường xuất khẩu cả việc sản lượng xuất khẩu và doanh thu xuất khẩu đều tăng đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty đã khai thác thêm được các khách hàng xuất khẩu mới tại nhiều thị trường thế giới như New Zealand, Canada ... Đây là các khách hàng có nhiều yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nhưng đồng thời cũng là những đối tác giàu tiềm năng.

Kiểm soát chi phí: Các chỉ tiêu về chi phí của Công ty đến 31/12/2024 như sau: đảm bảo được kiểm soát theo kế hoạch.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH 2024/2023
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	765,5	760	735,6	103%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	548,7	534,8	538,1	99%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	147,8	142,9	123,1	116%
Chi phí quản lý	Tỷ đồng	42	47,4	36,2	131%
Thu nhập khác	Tỷ đồng		0,3	0,1	300%
Chi phí khác	Tỷ đồng		0,7	6	12%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27	29,2	27,9	105%
Giá vốn/ Tổng doanh thu	%	71,68%	70,37%	73,16%	96%
Chi phí bán hàng/Tổng doanh thu	%	19,31%	18,80%	16,73%	112%
Chi phí quản lý/Tổng doanh thu	%	5,49%	6,24%	4,92%	127%
Chi phí khác/Tổng doanh thu	%		0,09%	0,82%	11%
Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	%		3,84%	3,79%	101%

Nhận xét: Theo báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty thì:

- Tỷ lệ giá vốn trên tổng doanh thu năm 2024 thấp hơn kế hoạch đề ra là 1,31 %.
- Tỷ lệ chi phí quản lý/Tổng doanh thu cao hơn kế hoạch là 0,75 % (nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2024 để đáp ứng đủ nguồn nhân sự cho 03 dây chuyền sản xuất Mi; 02 dây chuyền sản xuất Phở, nhân sự cho kênh bán hàng mới (HORECA).
- Tỷ lệ chi phí bán hàng/tổng doanh thu năm 2024 thấp hơn kế hoạch đề ra là 0,51 %.

- Tỷ lệ chi phí khác/Tổng doanh thu cao hơn mức kế hoạch đề ra 0,09%, nguyên nhân chủ yếu trong năm 2023 công ty phát sinh thuế bị truy thu.

Trong năm 2024, Công ty đã kết hợp cùng đối tác để xây dựng chiến lược marketing xuyên suốt trong năm 2024 trên các nền tảng online (mạng xã hội) và offline.

Định hướng phát triển bền vững với mô hình sản xuất xanh, thân thiện môi trường. Công ty tập trung đẩy mạnh khai thác các đơn hàng xuất khẩu theo kế hoạch đã có, tiếp tục tìm kiếm thêm các khách hàng, thị trường mới, nghiên cứu thực hiện cho ra mắt nhiều dòng sản phẩm mới

- Chi phí dự phòng nộp ngân sách nhà nước của Công Ty năm 2024: 5.9 tỷ đồng (dự phòng tiền truy thu tiền cho thuê tài sản gắn liền với đất tại số 1374 Võ Văn Kiệt, P.13, Q.5, TP. HCM từ năm 2017). Số tiền truy thu theo Kết luận thanh tra số 5918/KL-STNMT-TTr ngày 30/6/2023 là 7,2 tỷ đồng.

Tuy nhiên, cần ghi nhận những nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể tập thể CB-CNV và người lao động của công ty đã cố gắng và đoàn kết để có được những kết quả kinh doanh trong năm 2024.

8. Về công nợ

8.1. Nợ phải thu

TT	Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
1	Nợ phải thu	22.661.226.913	21.313.909.087
	- Khách hàng trong nước	21.264.938.051	17.713.791.235
	- Khách hàng nước ngoài	1.396.288.862	3.600.117.852
2	Khách hàng ứng trước	3.674.658.427	3.919.318.832
	- Khách hàng trong nước	2.251.399.535	1.496.803.293
	- Khách hàng nước ngoài	1.423.258.892	2.422.515.539

Trong tổng số 120 khách hàng trong nước có dư nợ phải thu tính đến 31/12/2024 thì có 6 khách hàng có dư nợ lớn (trên 500.000.000 đồng) chiếm 74% giá trị tổng nợ phải thu khách hàng trong nước, gồm:

TT	Khách hàng	Dư nợ	Tỷ trọng (%)
	Tổng cộng:	13.101.997.424	74,0
1.	Công Ty TNHH DV & TM MeSa	5.319.690.888	30,0
2.	Công Ty CP TM Bách Hóa Xanh	4.204.852.880	23,7
3.	TCT Bưu Điện Việt Nam	637.631.883	3,6
4.	CN Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	947.961.877	5,4
5.	Công Ty CP Công Đầu Tư Toàn Cầu	736.616.556	4,2
6.	Công Ty TNHH Dịch Vụ EB	1.255.243.340	7,1

Công tác quản trị nợ phải thu của Công ty thực hiện tốt nên dòng tiền kinh doanh khá ổn định, không phát sinh thêm nợ xấu.

Công ty cần xây dựng quy chế quản lý công nợ để kiểm soát và hạn chế rủi ro đối với nợ phải thu góp phần lành mạnh tình hình tài chính. Nghiên cứu bổ sung để hoàn thiện chính sách bán hàng để sự gắn kết chặt chẽ với những khách hàng truyền thống, và mở rộng đối với

những khách hàng tiềm năng có tình hình tài chính tốt, doanh số tiêu thụ tốt và lịch sử tín dụng tốt.

8.2. Nợ phải trả

Số liệu phải trả người bán ngắn hạn các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	01/01/2024	31/12/2024
1. Phải trả khách hàng	49.240.234.120	51.051.990.469
2. Ứng tiền trước cho khách hàng	1.128.459.231	6.894.557.238

Với kết quả bán hàng và thu tiền đạt được nêu trên, việc thanh toán cho nhà cung cấp được thực hiện đúng cam kết, không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

Lưu ý: đối với 2 khoản ứng tiền trước cho nhà cung cấp có giá trị lớn là Công Ty TNHH Kỹ Thuật Phát Lộc (1.320.000.000 đồng) và Công Ty Lương Thực Long An (5.280.800.000 đồng).

8.3. Nợ phải thu khó đòi

Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đến 31/12/2024 là 1.131.869.568 đồng. Trong các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu khó đòi ông Đinh Chí Hiếu phát sinh từ năm 2012 là 876.851.763 đồng, theo nội dung trình bày tại các văn bản có chữ ký của ông Đinh Chí Hiếu thì nguồn gốc phát sinh khoản nợ phải thu này là do sai phạm cá nhân của ông Hiếu liên quan đến việc bán trái phép hàng tồn kho của Công ty.

Công ty cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chứng từ (nếu có) đối với các khoản nợ phải thu khó đòi để tiếp tục theo dõi, đồng thời có biện pháp để thu hồi đối với các khoản nợ này.

9. Đầu tư mua sắm và thanh lý Tài sản:

9.1. Công tác đầu tư XDCB và mua sắm tài sản:

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị hình thành tài sản sử dụng nguồn vốn từ Quỹ đầu tư Phát triển của Công ty là **1.418.972.077 đồng**. Cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành: Nhà xưởng cho khu vực sàng nguyên liệu và đặt các máy móc SX phụ trợ PX Nêm Dầu (S=90m²) **423.131.000 đồng**.
- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị hình thành tài sản với tổng giá trị sử dụng **995.841.077 đồng**. Trong đó, máy móc thiết bị hình thành tài sản **847.059.259 đồng**, thiết bị dụng cụ quản lý hình thành tài sản **148.781.818 đồng** chi tiết như sau:

STT	Tên TSCĐ	Số lượng	Số tiền
1	Tủ chứa nguyên liệu Inox sus 304	1	36.400.000
2	Máy nén khí trục vít không dầu hiệu Kobelco 100HP	1	259.259.259
3	Bồn nước muối 1300 lít Inox 316 cho PX MÌ	1	53.000.000
4	Máy trộn phụ gia (Inox 304)	1	55.800.000
5	Máy rút màng co M7-PVC-POF(400*200*1500mm)	1	79.000.000
6	Bồn Gia Nhiệt Mỡ 200 lít(2)	2	140.000.000
7	Máy dán băng keo thùng carton Model: WP-5050TB	1	30.500.000

STT	Tên TSCĐ	Số lượng	Số tiền
8	Máy dán băng keo thùng carton Model: WP-5050TB	1	30.500.000
9	Máy đóng gói Sachet VB250 + Bộ indate dạng dập ruy băng	1	162.600.000
10	Thiết bị lưu trữ NAS	1	115.600.000
11	Tủ mát Sanaky VH 1520HP3	1	33.181.818
Tổng cộng:			995.841.077

Các tài sản đều được thực hiện mua sắm theo phương thức chào giá cạnh tranh và đã được Công ty hạch toán ghi nhận tăng tài sản trong năm. Tài sản sau khi được đầu tư mua sắm được kịp thời đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty không phát sinh việc huy động vốn vay để đầu tư vào các dự án đầu tư hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản và không có đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

9.2. Nhượng bán, thanh lý, giảm tài sản:

Trong năm 2024, Công ty đã hạch toán giảm tài sản là 155.000.000 đồng với nguyên giá là 155.000.000 đồng và đã hết khấu hao.

9.3. Trích khấu hao tài sản:

Trong năm 2024, Công ty đã trích khấu hao tài sản 4.620.672.258 đồng, khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 104.885.926.510 đồng. Giá trị còn lại của tài sản tại ngày 31/12/2024 là 16.005.636.167 đồng.

10. Đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Về kết quả hoạt động và SXKD năm 2024: Công ty chưa đạt kế hoạch về sản lượng tiêu thụ và doanh thu tuy nhiên chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế Công ty đã đạt 108% so với kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2024 giao. Công ty cần lưu ý và sớm có những đối sách đối với việc sụt giảm sản lượng tiêu thụ và doanh số dẫn đến giảm thị phần, cụ thể:
 - + Năng lực sản xuất: Máy móc thiết bị quá cũ chưa được đầu tư tự động hóa, tần suất sự cố hỏng hóc ngày càng gia tăng và khả năng sản xuất cho mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm bị giới hạn;
 - + Quản lý kinh doanh: Công ty cần hoàn chỉnh các phần mềm quản lý thông minh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, quản lý tốt chi phí, nhân sự và tốc độ xử lý công việc;
 - + Nhanh chóng triển khai đối với việc đầu tư xây dựng nhà máy mới, di dời Nhà máy ra khỏi khu dân cư theo quy định.
- Về quản lý công nợ: Công ty hiện tại đang quản lý công nợ tốt, không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Tuy nhiên còn khoản nợ khó đòi của Ông Đinh Chí Hiếu phát sinh từ năm 2012, Ban kiểm soát đề nghị Công ty đề xuất phương án xử lý dứt điểm khoản nợ này theo quy định pháp luật.
- Về đầu tư tài sản: Các tài sản đều được thực hiện mua sắm theo phương thức chào giá cạnh tranh và đã được Công ty hạch toán ghi nhận tăng tài sản trong năm. Việc đầu tư mua sắm tài sản sử dụng nguồn vốn từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty. Đối với việc đầu tư tài sản, Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị có phương án nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị mới (tự động hóa) để đẩy mạnh thay đổi nâng cấp, cải tiến hệ thống

sản xuất và thay thế những bộ phận lỗi thời ... Định hướng phát triển bền vững với mô hình sản xuất xanh, thân thiện môi trường. Công ty tập trung đẩy mạnh khai thác các đơn hàng xuất khẩu theo kế hoạch đã có, tiếp tục tìm kiếm thêm các khách hàng, thị trường mới, nghiên cứu thực hiện cho ra mắt nhiều dòng sản phẩm mới.

- Hiện nay, các mặt bằng của Công ty về việc khai thác cho thuê hiện đang bị các Đoàn thanh tra, kiểm tra nhắc nhở việc chấp hành pháp luật đất đai. HĐQT và Ban điều hành cần hoàn thiện thủ tục pháp lý và nghiên cứu kế hoạch phát triển đầu tư các mặt bằng phù hợp với các quy định mới tại các khu đất thuộc sở hữu Công ty.
- Rà soát điều chỉnh, bổ sung các định chế tài chính, quy chế và quy định để phù hợp với điều kiện hoạt động hiện nay tại Công ty.

Thông qua kết quả kinh doanh năm 2024, Ban kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cán bộ quản lý và người lao động của Công ty đã đoàn kết và cố gắng phấn đấu để có được những kết quả như trên.

11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2025

Để đảm bảo sự minh bạch và tạo điều kiện thuận tiện cho việc thực hiện kiểm toán của Công ty, Ban kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán sau đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty, danh sách bốn công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH KPMG – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH PwC Việt Nam

Trên đây là những nội dung báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ, HĐQT, Ban điều hành
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

HÒANG HÙNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/TTr-CM-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v: dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024
Và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Hội đồng quản trị đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1/ Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2024		THỰC HIỆN 2024	
		%	Số tiền	%	Số tiền
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế		27.022.482.868		29.231.014.240
	Thuế phải nộp		5.404.496.574		6.179.233.620
2	Lợi nhuận kế toán sau thuế		21.617.986.294		23.051.780.620
2.1	Trích lập các Quỹ	41,94	9.066.295.203	41,5	9.568.123.217
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,31	500.000.000	2,17	500.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	20	4.323.597.259	20	4.610.356.124
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	3.242.697.944	15	3.457.767.093
	- Chi công tác an sinh xã hội	4,63	1.000.000.000	4,34	1.000.000.000
2.2	Tổng lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	58,06	12.551.691.091	58,49	13.483.657.403
	- Cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt	57,73	12.480.000.000	27,07	6.240.000.000
	- Lợi nhuận còn lại	3,1	71.691.091	31,42	7.243.657.403
3	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ		26%		13%

Đề xuất Tỷ lệ chia cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt: 13% / Vốn điều lệ, tương đương 1.300 đồng / 1 cổ phần (6.240.000.000 đồng);

Phần Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại của năm 2024 là 7.243.657.403 đồng (khoảng 15%/vốn điều lệ) sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất để phân phối sau.

2/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2024		KẾ HOẠCH 2025	
		%	Số tiền	%	Số tiền
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế		29.231.014.240		29.006.304.088

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2024		KẾ HOẠCH 2025	
		%	Số tiền	%	Số tiền
	Thuế phải nộp		6.179.233.620		5.801.260.818
2	Lợi nhuận kế toán sau thuế		23.051.780.620		23.205.043.270
2.1	Trích lập các Quỹ	41,5	9.568.123.217	41,5	9.621.765.145
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,17	500.000.000	2,16	500.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	20	4.610.356.124	20	4.641.008.654
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	3.457.767.093	15	3.480.756.491
	- Chi công tác an sinh xã hội	4,34	1.000.000.000	4,31	1.000.000.000
2.2	Tổng lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	58,49	13.483.657.403	58,5	13.583.278.125
	- Cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt	27,07	6.240.000.000	53,78	12.480.000.000
	- Lợi nhuận còn lại	31,42	7.243.657.403	0,48	1.103.278.125
3	Tỷ lệ cổ tức /vốn điều lệ hiện tại		13%		26%

Đề xuất Kế hoạch tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 dự kiến bằng tiền mặt/hoặc hình thức khác với tỷ lệ là 26%/vốn điều lệ hiện tại, tương đương với 2.600 đồng/ cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯU THỊ TUYẾT MAI



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
CỔ PHẦN COLUSA - MILIKET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tr-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v: Báo cáo thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS,
Người phụ trách quản trị Công ty, lương thành viên HĐQT chuyên trách năm 2024
Và Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS,
Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

1/ Báo cáo về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty và lương thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách năm 2024:

Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket đã chi trả đầy đủ thù lao năm 2024 cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người phụ trách quản trị Công ty và lương cho thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách theo mức thù lao và lương cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng / tháng

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000	
2	Thành viên Hội đồng quản trị (04)	10.000.000	
3	Lương thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (01)	30.000.000	Tới hết 30/8
4	Trưởng Ban Kiểm soát	15.000.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát (02)	7.000.000	
6	Người phụ trách quản trị Công ty	4.000.000	

Tổng tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản trị Công ty và lương của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách năm 2024 là: **1.260.000.000 đồng** / Kế hoạch 1.380.000.000 đồng (từ 01/9/2024, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Hoàng Ngọc Thanh, TV HĐQT giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty).

2/ Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025:

Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025 theo mức chi của năm 2024, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng / tháng

STT	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị (04)	10.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	15.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát (02)	7.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty	4.000.000

Tổng tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2025 là: **1.020.000.000 đồng** (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯU THỊ TUYẾT MAI



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET**

Số: 03/Tr-CM-HDQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v: đề xuất sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty
Và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CM-DHDCĐ ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty;
- Căn cứ Công văn số 4498/UBCK-PTTT ngày 19/7/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty;
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty.

1. Về việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đã thông qua mức tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 5%, giao Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thông báo với các cơ quan nhà nước liên quan về tỷ lệ sở hữu vốn nước ngoài tối đa tại Công ty.
- Công ty đã nộp các hồ sơ liên quan tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước để thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài nói trên.
- Tuy nhiên, Ủy ban chứng khoán Nhà nước có công văn phản hồi gửi về Công ty với nội dung tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 5% của Công ty là chưa xác định do có một số ngành nghề kinh doanh của Công ty có khả năng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%.
- Qua rà soát, để phù hợp với mức tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 5% đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, đồng thời căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty không có nhu cầu kinh doanh các ngành nghề, mặt hàng này, do đó, Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê duyệt về việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành (hiện hành)	Mã ngành
01	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác Chi tiết: mua bán bách hóa. Mua bán vật tư, thiết bị nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm.	4719
02	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: mua bán rượu bia, thuốc lá (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4711
03	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

STT	Tên ngành (hiện hành)	Mã ngành
	Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, hương liệu, gia vị	
04	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị cơ điện	4659

STT	Tên ngành (sửa đổi)	Mã ngành
01	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác Chi tiết: mua bán bách hóa. Mua bán vật tư, thiết bị nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm <i>(Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4719
02	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: mua bán rượu bia (không kinh doanh dịch vụ ăn uống) <i>(Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4711
03	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, hương liệu, gia vị <i>(Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4649
04	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị cơ điện <i>(Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4659

2. Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Theo nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong giai đoạn sắp tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành (bổ sung)	Mã ngành
01	Bán buôn đồ uống Chi tiết: bán buôn đồ uống có cồn, không có cồn	4633
02	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống lưu động hoặc tại chợ <i>(Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)</i>	4781

STT	Tên ngành (bổ sung)	Mã ngành
03	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống, chuỗi cửa hàng ăn nhanh	5610
04	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: quán cà phê, giải khát, phục vụ đồ uống khác	5630

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯU THỊ TUYẾT MAI



CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 04/TTr-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: báo cáo các giao dịch với các bên liên quan đã được HĐQT phê duyệt

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/NQ-CM-HĐQT ngày 18/4/2025;
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của Công ty;
- Căn cứ theo quy định của pháp luật.

Nhằm phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tuân thủ theo quy định của pháp luật đối với giao dịch của Công ty với các bên có liên quan, Hội đồng quản trị đã họp và ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/NQ-CM-HĐQT ngày 18/4/2025 về việc:

a. Thông qua báo cáo các Hợp đồng / giao dịch đã thực hiện trong năm 2024 với các bên liên quan có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất, cụ thể như sau:

STT	Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Mục đích giao dịch	Giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa	- Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. - Cổ đông lớn của Công ty.	Mesa phân phối sản phẩm của Công ty	80.943.486.301 đồng
			Công ty mua sản phẩm của Mesa	160.645.974 đồng
2	Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa	Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	Mesa gửi hàng tại kho số 03 Tô Vĩnh Diện	600.401.459 đồng
			Công ty mua sản phẩm của CN Mesa, sử dụng dịch vụ ăn uống	166.959.047 đồng
3	Công ty CP Beyond Communication	Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	Beyond thực hiện hoạt động marketing cho Công ty	11.000.000.000 đồng
			Beyond mua sản phẩm của Công ty	105.999.840 đồng

STT	Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Mục đích giao dịch	Giá trị giao dịch
4	Tổng Công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	- Ông Trần Hoàng Ngân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, người đại diện vốn. - Ông Hoàng Ngọc Thanh là người đại diện vốn. - Cổ đông lớn của Công ty.	Tổng Công ty mua sản phẩm của Công ty	24.351.795 đồng
5	Tổng Công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Bình Đông cung cấp bột mì cho Công ty để sản xuất	26.650.728.000 đồng
6	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Safoco mua nguyên liệu (gói rau, nêm dầu) từ Công ty để sản xuất	418.150.000 đồng
			Công ty mua sản phẩm của Safoco	11.520.000 đồng
7	Chi nhánh Công ty CP Lương thực TPHCM – Foodcomart Đắk Nông	Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Foodcomart Đắk Nông phân phối sản phẩm của Công ty	6.768.500 đồng
8	Công ty CP xây lắp cơ khí & lương thực thực phẩm (MECOFOOD)	Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	MECOFOOD mua sản phẩm của Công ty	34.444.410 đồng
			Công ty mua sản phẩm của MECOFOOD (gạo)	1.700.000 đồng
9	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty	3.251.800.149 đồng
			Công ty LT Trà Vinh mua sản phẩm của Công ty	48.296.304 đồng
10	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty	364.000.000 đồng

STT	Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Mục đích giao dịch	Giá trị giao dịch
11	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty mua nguyên liệu (nước suối) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty	99.536.398 đồng
12	Công ty CP Sài Gòn Lương Thực	- Ông Trần Hoàng Ngân giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. - Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Sài Gòn Lương Thực phân phối sản phẩm của Công ty	262.589.756 đồng
			Công ty mua sản phẩm (gạo) để phục vụ CBCNV Công ty	496.067.000 đồng
13	Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	- Ông Trần Hoàng Ngân giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. - Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty thuê xe tải để phục vụ giao hàng	16.000.000 đồng
14	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	- Ông Vũ Anh Tuấn là người đại diện vốn. - Cổ đông lớn của Công ty.	Tổng Công ty Thuốc lá mua sản phẩm của Công ty	22.222.200 đồng
15	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì carton gấp nếp Vina Toyo	Đơn vị liên doanh của Cổ đông lớn của Công ty (Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam)	Công ty mua bao bì để sản xuất	5.204.224.705 đồng
			Vina Toyo mua sản phẩm của Công ty	27.598.768 đồng
16	Công ty CP đào tạo và huấn luyện phát triển doanh nghiệp TC	Ông Trịnh Đặng Khánh Toàn là Giám đốc điều hành	Công ty thuê để đào tạo và huấn luyện cho NV Thị trường của Công ty	177.750.000 đồng
17	Công ty CP bánh kẹo Hải Hà	Ông Hoàng Hùng là Chủ tịch HĐQT	Công ty mua sản phẩm của Công ty Hải Hà	52.594.456 đồng
18	Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty	Ông Ngân mua sản phẩm của Công ty	7.493.020 đồng
19	Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty	Ông Thanh tạm ứng tiền lương, hoàn ứng hàng tháng	130.000.000 đồng

b. Thông qua các Hợp đồng / giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày trong năm 2025 có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất như sau:

STT	Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Mục đích giao dịch	Giá trị giao dịch dự kiến
1	Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa	<ul style="list-style-type: none"> - Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. - Cổ đông lớn của Công ty. 	Mesa phân phối sản phẩm của Công ty	90 tỷ đồng
			Công ty mua sản phẩm của Mesa	200 triệu đồng
2	Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa	Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	Mesa gửi hàng tại kho số 03 Tô Vĩnh Diện	600 triệu đồng
			Công ty mua sản phẩm của CN Mesa, sử dụng dịch vụ ăn uống	200 triệu đồng
3	Công ty CP Beyond Communication	Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT	Beyond thực hiện hoạt động marketing cho Công ty	11 tỷ đồng
			Beyond mua sản phẩm của Công ty	100 triệu đồng
4	Tổng Công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trần Hoàng Ngân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, người đại diện vốn. - Ông Hoàng Ngọc Thanh là người đại diện vốn. - Cổ đông lớn của Công ty. 	Tổng Công ty mua sản phẩm của Công ty	30 triệu đồng
5	Tổng Công ty lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Bình Đông cung cấp bột mì cho Công ty để sản xuất	27 tỷ đồng
6	Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Safoco mua nguyên liệu (gói rau, nêm dầu) từ Công ty để sản xuất	500 triệu đồng
			Công ty mua sản phẩm của Safoco	15 triệu đồng
7	Chi nhánh Công ty CP Lương thực TPHCM – Foodcomart Đắk Nông	Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Foodcomart Đắk Nông phân phối sản phẩm của Công ty	10 triệu đồng

STT	Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Mục đích giao dịch	Giá trị giao dịch dự kiến
8	Công ty CP xây lắp cơ khí & lương thực phẩm (MECOFOOD)	Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	MECOFOOD mua sản phẩm của Công ty	40 triệu đồng
9	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty	3,3 tỷ đồng
			Công ty LT Trà Vinh mua sản phẩm của Công ty	50 triệu đồng
10	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty mua nguyên liệu (gạo) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty	400 triệu đồng
11	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty mua nguyên liệu (nước suối) để sản xuất, phục vụ CBCNV Công ty	100 triệu đồng
12	Công ty CP Sài Gòn Lương Thực	- Ông Trần Hoàng Ngân giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. - Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Sài Gòn Lương Thực phân phối sản phẩm của Công ty	270 triệu đồng
			Công ty mua sản phẩm (gạo) để phục vụ CBCNV Công ty	500 triệu đồng
13	Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	- Ông Trần Hoàng Ngân giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT. - Công ty con của Cổ đông lớn (Tổng Công ty lương thực Miền Nam)	Công ty thuê xe tải để phục vụ giao hàng	64 triệu đồng
14	Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	- Ông Vũ Anh Tuấn là người đại diện vốn. - Cổ đông lớn của Công ty.	Tổng Công ty Thuốc lá mua sản phẩm của Công ty	30 triệu đồng
15	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh bao bì carton gấp nếp Vina Toyo	Đơn vị liên doanh của Cổ đông lớn của Công ty (Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam)	Công ty mua bao bì để sản xuất	5,5 tỷ đồng

STT	Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Mục đích giao dịch	Giá trị giao dịch dự kiến
16	Công ty CP đào tạo và huấn luyện phát triển doanh nghiệp TC	Ông Trịnh Đăng Khánh Toàn là Giám đốc điều hành	Công ty thuê để đào tạo và huấn luyện cho NV Thị trường của Công ty	200 triệu đồng
17	Công ty CP bánh kẹo Hải Hà	Ông Hoàng Hùng là Chủ tịch HĐQT	Công ty mua sản phẩm của Công ty Hải Hà	60 triệu đồng

Và các Hợp đồng / giao dịch khác giữa Công ty với các bên liên quan (là các đơn vị trực thuộc / thành viên của Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Mesa, Tổng Công ty lương thực Miền Nam, Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam, và các bên liên quan khác) về việc mua sản phẩm của Công ty hoặc Công ty mua sản phẩm / sử dụng dịch vụ trong năm 2025 với giá trị của các Hợp đồng / Giao dịch nói trên nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯU THỊ TUYẾT MAI



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05/TTr-CM-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
Nhiệm kỳ 2023 - 2028**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của ông Phạm Nguyên Bình – thành viên Ban kiểm soát Công ty ngày 12/5/2025 với lý do: thay đổi trong phân công công tác của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam,

Hiện nay, số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028 là 03 thành viên bao gồm: ông Hoàng Hùng (Trưởng Ban kiểm soát), bà Bùi Thị Tuyết Minh (thành viên Ban kiểm soát) và ông Phạm Nguyên Bình (thành viên Ban kiểm soát).

Ngày 12/5/2025, Công ty nhận được Đơn từ nhiệm của ông Phạm Nguyên Bình – thành viên Ban kiểm soát Công ty với lý do: thay đổi trong phân công công tác của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

Do vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 như sau:

- Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Phạm Nguyên Bình;
- Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát theo danh sách ứng viên đính kèm với nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát (2023 – 2028).
 - + Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều 286 Nghị định 155/2020 và Điều 37 Điều lệ Công ty.
 - + Các nội dung khác liên quan đến bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 được áp dụng theo Quy chế bầu cử Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯU THỊ TUYẾT MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 12 tháng 5 năm 2025

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket;
- Hội đồng quản trị Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket;
- Ban kiểm soát Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket.

Tôi tên là: **Phạm Nguyên Bình**

Hiện tôi đang giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket (sau đây gọi tắt là “Công ty”) nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Nay, tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty chấp thuận cho tôi từ nhiệm khỏi vị trí thành viên Ban kiểm soát của Công ty vì lý do: thay đổi trong phân công công tác của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

Việc từ nhiệm này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2025.

Tôi bằng văn bản này xác nhận rằng tôi không có bất kỳ khiếu nại nào chống lại Công ty, thành viên, hoặc bất kỳ nhân viên nào khác của Công ty trong suốt thời gian tại nhiệm của tôi và sẽ không đưa bất kỳ khiếu nại nào như vậy trong tương lai.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi.

Tôi xin cảm ơn Công ty đã tin tưởng và hỗ trợ tôi trong suốt nhiệm kỳ làm thành viên Ban kiểm soát. Kính chúc Công ty ngày càng phát triển ổn định và bền vững.

Trân trọng./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Phạm Nguyên Bình



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/TTr-CM-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: đề nghị chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Luật Kế toán 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket.

Nhằm giúp cho việc công bố thông tin ra công chúng về tình hình tài chính của Công ty được chính xác và minh bạch, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Colusa – Miliket năm 2025 với các nội dung sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán;
- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty (việc kiểm toán phải được độc lập với việc tư vấn lập Báo cáo tài chính);
- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất các đơn vị kiểm toán độc lập:

Với các tiêu thức lựa chọn như trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất 04 (bốn) đơn vị kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2025 của Công ty, như sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam.

3. Ý kiến của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội cổ đông thông qua:

- Các tiêu thức lựa chọn và danh sách 04 (bốn) Công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát và giao cho Tổng Giám Đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thống nhất thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

HOÀNG HÙNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
COLUSA - MILIKET**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm Kỳ 2023 - 2028)**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket

Ban tổ chức Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên BKS:

- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2023 – 2028
- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế.

1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 36 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên BKS: *Ứng cử viên tham gia BKS phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện

Kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban kiểm soát.

V. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử: (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS.
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
 - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
 - Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
 - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" của các ứng viên tương ứng.
 - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "**Số phiếu bầu**" của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "**Số phiếu bầu**".

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho

phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

VI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào BKS:

- Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào BKS bao gồm:
- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào BKS (theo mẫu).
 - Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
 - Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu.
 - Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
 - Người đề cử vào BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng tải trên website: www.comifood.com (Mục: Cổ đông) từ ngày 30 tháng 5 năm 2025.

Đề tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, hồ sơ xin gửi về Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket trước 16h00 ngày 10/6/2025.

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

Trên đây là toàn bộ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket tại Đại

hội cổ đông thường niên năm 2025.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LƯU THỊ TUYẾT MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA – MILIKET

BẦU BỔ SUNG NHIỆM KỲ 2023 - 2028

1/ Họ và tên:	TRƯƠNG THỊ TÓNG
2/ Giới tính:	Nữ
3/ Ngày tháng năm sinh:	14/01/1978
4/ Nơi sinh:	thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
5/ CCCD/Hộ chiếu:	
6/ Quốc tịch:	Việt Nam
7/ Dân tộc:	Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại:	
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
12/ Quá trình công tác:	
03/2003 – 04/2006:	- Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH Á Mỹ
05/2006 – 08/2008:	- Nhân viên Tổng công ty Hàng không Việt Nam
08/2008 – 05/2010:	- Trưởng Phòng vé Indochina Airlines
06/2010 – 03/2011:	- Quản lý bán hàng Công ty CP thép tấm lá Thống Nhất
04/2011 – 12/2012:	- Giám đốc Công ty TNHH TM DV nông sản Minh Quang
01/2013 – 07/2013:	- Tổ trưởng tổ đề án thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm Suleco Công ty TNHH MTV dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia Suleco
08/2013 – 11/2016:	- Chuyên viên tổng hợp, Giám sát ngân sách hỗ trợ bán hàng – Công ty TNHH MTV thương mại Bia Sài Gòn
12/2016 – 05/2019:	- Phó Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV thương mại Bia Sài Gòn
06/2019 – 05/2021:	- Kinh doanh nông sản tại gia đình
06/2021 – 06/2024:	- Chuyên viên Ban quản trị rủi ro Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam

26/6/2024 đến nay:	- Phó Ban quản trị rủi ro Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	Phó Ban quản trị rủi ro Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam
14/ Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phân vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	Không
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

COLUSA - MILIKET

Sửa đổi: Ngày 20 tháng 6 năm 2025



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	31
Điều 37. Kiểm soát viên	31
Điều 38. Ban kiểm soát.....	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	33
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	36
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 46. Năm tài chính.....	36
Điều 47. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	37
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	37
Điều 49. Báo cáo thường niên	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 50. Kiểm toán.....	37

XVII. CON DẤU	37
Điều 51. Con dấu.....	37
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ	37
Điều 52. Giải thể công ty.....	37
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	38
Điều 54. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 56. Điều lệ công ty.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	39
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 26 tháng 4 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - đ. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET.
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: COLUSA - MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY.
 - Tên Công ty viết tắt: COMIFOOD
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 1230 KHA VĂN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- Điện thoại: 028 38966835

- Fax: 028 38960013

- E-mail: colusa@comifood.com

- Website: www.comifood.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo khoản 3 Điều 35 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng lương thực, thực phẩm chế biến mang nhãn hiệu Miliket và Colusa.	1074
02	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán các mặt hàng lương thực, thực phẩm chế biến mang nhãn hiệu Miliket và Colusa.	4722
03	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác Chi tiết: mua bán bách hóa. Mua bán vật tư, thiết bị nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm (không bao gồm mua bán thuốc lá).	4719
04	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, hương liệu, gia vị (không bao gồm mua bán Vật phẩm đã ghi hình)	4649
05	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: sản xuất thùng carton, bao bì đóng gói các loại (không tái chế phế thải giấy, nhựa, kim loại, không chế biến gỗ)	1702
06	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô.	
07	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường sông	5022
08	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: sản xuất máy móc, thiết bị cơ điện (không gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở)	2790
09	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị cơ điện (không bao gồm mua bán Vật phẩm đã ghi hình)	4659
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công chi tiết máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm (không gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở)	2592
11	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: sửa chữa xe (không gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở)	4542
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà, cho thuê nhà: văn phòng, nhà xưởng	6810
13	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: mua bán xe ô tô, gắn máy, máy nổ	4511
14	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: mua bán rượu bia (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4711
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: dịch vụ rửa xe, dịch vụ giữ xe	5229
16	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: gia công đóng gói bao bì (trừ thuốc bảo vệ thực vật)	8292
17	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: sản xuất nước mắm, nước tương, tương ớt	1020
18	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: bán buôn nước mắm, nước tương, tương ớt	4632

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác mang nhãn hiệu Colusa – Miliket.	4633
20	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác mang nhãn hiệu Colusa – Miliket.	4723
21	Bán buôn đồ uống Chi tiết: bán buôn đồ uống có cồn, không có cồn	4633
22	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ các hàng hóa mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối theo quy định của pháp luật)	4781
23	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống, chuỗi cửa hàng ăn nhanh	5610
24	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: quán cà phê, giải khát, phục vụ đồ uống khác	5630

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác, không ngừng phát triển các ngành nghề kinh doanh của Công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận, tăng cổ tức cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 48.000.000.000 đồng (bằng chữ: bốn mươi tám tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ loại cổ phần này được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài trong Công ty: tối đa là 05% vốn điều lệ.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm

cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. 01 cổ đông cá nhân có quyền ủy quyền cho 01 người tham dự, đối với cổ đông tổ chức nắm giữ đến 05% tổng số cổ phần ủy quyền cho 01 người tham dự, trên 05% tổng số cổ phần được ủy quyền tối đa 03 người tham dự.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.

Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và phải trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được Danh sách cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

13. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần.



14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi tối thiểu mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Nghị quyết đã được thông qua, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân bổ vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những

trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

755
TY
HÀN
THỨC P
HILIKE
HỒ

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích liên quan với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải có họ tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa

số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các



chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 10 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán, phải đảm bảo các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.

- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cản trở

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cản trở vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc

Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ

Điều 52. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần lương thực phẩm Colusa - Miliket nhất trí thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.


TỔNG GIÁM ĐỐC *Jur*

TRẦN HOÀNG NGÂN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-35
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-35

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Colusa - Miliket theo Quyết định số 1078/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/04/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304517551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03/01/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lư Thị Tuyết Mai	Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Trịnh Đặng Khánh Toàn	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Ngọc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/09/2024
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/08/2024
Bà Trần Đỗ Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Hùng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Tuyết Minh	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Bình	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Trần Hoàng Ngân - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hoàng Ngân

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		281.025.004.441	271.252.408.062
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	30.123.850.436	80.457.775.953
111	1. Tiền		30.123.850.436	34.505.912.987
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	45.951.862.966
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	179.193.850.000	136.536.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		179.193.850.000	136.536.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.399.372.455	25.348.283.407
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	21.313.909.087	22.661.226.913
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.894.557.238	1.128.459.231
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.322.775.698	2.690.467.831
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.131.869.568)	(1.131.869.568)
140	IV. Hàng tồn kho	09	42.217.858.946	28.823.329.398
141	1. Hàng tồn kho		42.217.858.946	28.823.329.398
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		90.072.604	87.018.304
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		42.944.676	46.126.974
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		47.127.928	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	40.891.330
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.319.734.010	20.165.476.163
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	5.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		16.005.636.167	19.254.090.693
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	16.005.636.167	19.254.090.693
222	- Nguyên giá		120.891.562.677	119.627.590.600
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.885.926.510)	(100.373.499.907)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	3.309.097.843	911.385.470
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.309.097.843	911.385.470
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		300.344.738.451	291.417.884.225

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		140.023.200.075	137.630.207.079
310	I. Nợ ngắn hạn		137.389.448.075	134.996.455.079
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	51.051.990.469	49.240.234.120
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	3.919.318.832	3.674.658.427
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.235.534.746	3.349.413.696
314	4. Phải trả người lao động		43.720.471.697	37.262.459.933
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	13.271.731.553	16.883.554.736
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.376.025.557	3.917.392.391
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	5.933.295.500	5.933.295.500
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.881.079.721	14.735.446.276
330	II. Nợ dài hạn		2.633.752.000	2.633.752.000
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.633.752.000	2.633.752.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		160.321.538.376	153.787.677.146
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	160.321.538.376	153.787.677.146
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		48.000.000.000	48.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		48.000.000.000	48.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		74.025.333.919	72.606.361.842
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.361.131.431	11.596.210.988
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.935.073.026	21.585.104.316
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		883.292.406	665.641.716
421b	LNST chưa phân phối năm nay		23.051.780.620	20.919.462.600
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		300.344.738.451	291.417.884.225

Nguyễn Tường Pha
Người lập

Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	744.403.717.267	723.287.328.054
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.689.578.941	4.019.473.647
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		739.714.138.326	719.267.854.407
11	4. Giá vốn hàng bán	22	534.814.779.504	538.138.943.768
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		204.899.358.822	181.128.910.639
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	15.224.142.697	12.162.788.706
22	7. Chi phí tài chính	24	255.021.150	139.421.818
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.266.951	21.801.924
25	8. Chi phí bán hàng	25	142.859.175.750	123.166.187.568
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	47.418.453.808	36.233.327.728
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.590.850.811	33.752.762.231
31	11. Thu nhập khác		336.543.770	168.557.069
32	12. Chi phí khác	27	696.380.341	6.003.586.783
40	13. Lợi nhuận khác		(359.836.571)	(5.835.029.714)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.231.014.240	27.917.732.517
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	6.179.233.620	6.998.269.917
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.051.780.620</u>	<u>20.919.462.600</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.770	3.517

Nguyễn Tường Pha
Người lập

Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.231.014.240	27.917.732.517
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.620.672.258	4.068.694.411
03	- Các khoản dự phòng		-	5.933.295.500
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.687.160)	13.812.026
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.801.430.541)	(11.621.266.940)
06	- Chi phí lãi vay		9.266.951	21.801.924
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	2.633.752.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.001.835.748	28.967.821.438
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.062.324.646)	(6.483.761.896)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13.394.529.548)	130.953.630
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.475.506.601	14.158.469.097
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.182.298	27.580.104
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.266.951)	(21.801.924)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.367.835.898)	(6.224.050.225)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.894.079.697)	(3.732.884.371)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.247.512.093)	26.822.325.853
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.816.684.450)	(13.749.455.979)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	27.818.183
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(326.445.300.418)	(196.627.917.049)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		283.787.450.418	217.608.492.693
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.848.184.886	11.993.448.757
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.626.349.564)	19.252.386.605
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.140.624.407	3.157.818.400
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.140.624.407)	(3.157.818.400)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.519.544.772)	(12.492.748.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.519.544.772)	(12.492.748.600)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(50.393.406.429)	33.581.963.858
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		80.457.775.953	46.889.624.121
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		59.480.912	(13.812.026)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>30.123.850.436</u>	<u>80.457.775.953</u>

Nguyễn Tường Pha
Người lập

Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Colusa - Miliket theo Quyết định số 1078/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/04/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304517551 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/08/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 03/01/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 48.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 48,000,000,000 VND; tương đương 4,800,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 786 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 654 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ đóng gói.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là các khoản bảo hiểm thiệt hại tài sản được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng, trích trước tiền thưởng doanh số được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.408.421.194	768.955.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.715.429.242	33.736.957.237
Các khoản tương đương tiền	-	45.951.862.966
	30.123.850.436	80.457.775.953

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	179.193.850.000	-	136.536.000.000	-
	179.193.850.000	-	136.536.000.000	-

Tại ngày 31/12/2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 09 tháng có giá trị 179.193.850.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 6,4%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	5.420.771.958	-	11.177.889.158	-
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	5.319.690.888	-	11.156.872.488	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	42.378.029	-	21.016.670	-
	58.703.041	-	-	-
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	15.893.137.129	-	11.483.337.755	-
- CN Trading Co., Ltd.	4.204.852.880	-	3.240.139.203	-
- Các khách hàng khác	2.706.696.607	-	-	-
	8.981.587.642	-	8.243.198.552	-
	21.313.909.087	-	22.661.226.913	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan				
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Trà Vinh	5.280.800.000	-	119.547.800	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Long An	-	-	119.547.800	-
	5.280.800.000	-	-	-
Bên khác				
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Phòng cháy chữa cháy ĐĐT	1.613.757.238	(212.500.000)	1.008.911.431	(212.500.000)
- Công ty Cổ phần Phát triển Mesa	-	-	139.597.992	-
- Công ty TNHH New Construction	212.500.000	(212.500.000)	212.500.000	(212.500.000)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp THS	-	-	347.633.895	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Phát Lộc	1.320.000.000	-	159.060.000	-
- Trả trước cho người bán khác	81.257.238	-	150.119.544	-
	6.894.557.238	(212.500.000)	1.128.459.231	(212.500.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	81.890.470	-	-	-
Tạm ứng	1.072.367.723	-	1.657.555.252	-
Ký cược, ký quỹ	49.705.000	-	54.705.000	-
Phải thu về tiền bồi thường hàng thiếu Ông Đinh Chí Hiếu	927.066.697	(876.851.763)	876.851.763	(876.851.763)
Ông Đinh Chí Hiếu	876.851.763	(876.851.763)	876.851.763	(876.851.763)
Ông Nguyễn Thanh Tiến	50.214.934	-	-	-
Phải thu khác	191.745.808	(42.517.805)	101.355.816	(42.517.805)
	2.322.775.698	(919.369.568)	2.690.467.831	(919.369.568)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	-	-
	5.000.000	-	-	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	42.517.805	(42.517.805)	42.517.805	(42.517.805)
Ông Hoàng Ngọc Thanh	10.000.000	-	-	-
	52.517.805	(42.517.805)	42.517.805	(42.517.805)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Trả trước cho người bán ngắn hạn	212.500.000	-	212.500.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Mesa	212.500.000	-	212.500.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	919.369.568	-	919.369.568	-
- Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	42.517.805	-	42.517.805	-
- Ông Đinh Chí Hiếu	876.851.763	-	876.851.763	-
	1.131.869.568	-	1.131.869.568	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.775.499.974	-	22.455.411.902	-
Công cụ, dụng cụ	134.738.166	-	131.782.704	-
Thành phẩm	11.150.095.046	-	6.217.270.592	-
Hàng hoá	157.525.760	-	18.864.200	-
	42.217.858.946	-	28.823.329.398	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Mua sắm phần mềm quản trị SAP Business One	2.826.549.710	911.385.470
- Mua sắm máy nén khí và máy sấy khí	104.333.333	-
- Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động	378.214.800	-
	3.309.097.843	911.385.470

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.341.769.339	76.366.611.814	15.628.857.842	1.290.351.605	119.627.590.600
- Mua trong năm	-	847.059.259	-	148.781.818	995.841.077
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	423.131.000	-	-	-	423.131.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(155.000.000)	-	-	(155.000.000)
Số dư cuối năm	26.764.900.339	77.058.671.073	15.628.857.842	1.439.133.423	120.891.562.677
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.081.579.402	64.581.105.632	10.495.842.527	1.214.972.346	100.373.499.907
- Khấu hao trong năm	618.536.594	2.600.103.875	1.350.491.175	51.540.614	4.620.672.258
- Thanh lý, nhượng bán	-	(108.245.655)	-	-	(108.245.655)
Số dư cuối năm	24.700.115.996	67.072.963.852	11.846.333.702	1.266.512.960	104.885.926.510
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.260.189.937	11.785.506.182	5.133.015.315	75.379.259	19.254.090.693
Tại ngày cuối năm	2.064.784.343	9.985.707.221	3.782.524.140	172.620.463	16.005.636.167

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.697.204.538 VND.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	6.078.168.766	6.078.168.766	3.632.942.880	3.632.942.880
- Công ty Lương thực Trà Vinh	5.815.787.040	5.815.787.040	2.001.823.200	2.001.823.200
- Công ty Lương thực Tiền Giang	238.500.000	238.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	6.281.726	6.281.726	-	-
- Công ty Cổ phần Beyond Communication	17.600.000	17.600.000	-	-
Bên khác				
- Công ty Cổ phần BMP Group	44.973.821.703	44.973.821.703	1.631.119.680	1.631.119.680
- Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Thái Lan	5.195.854.811	5.195.854.811	45.607.291.240	45.607.291.240
- Công ty TNHH Chế biến Bột mì Mê Kông	4.594.504.400	4.594.504.400	4.918.041.947	4.918.041.947
- Công ty TNHH Wilmar Mareting CLV	5.143.104.720	5.143.104.720	6.401.819.906	6.401.819.906
- Phải trả người bán khác	5.914.841.400	5.914.841.400	5.838.350.400	5.838.350.400
	24.125.516.372	24.125.516.372	4.731.568.020	4.731.568.020
	51.051.990.469	51.051.990.469	49.240.234.120	49.240.234.120

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	-	-	630.000	630.000
Bên khác				
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hồng Phát	3.919.318.832	3.919.318.832	3.674.028.427	3.674.028.427
- Ah Liki Wholesale	86.811.170	86.811.170	604.506.240	604.506.240
- Roberto Food Imports Ltd.	2.028.415.355	2.028.415.355	974.923.471	974.923.471
- Người mua trả tiền trước khác	1.804.092.307	1.804.092.307	-	-
	3.919.318.832	3.919.318.832	2.094.598.716	2.094.598.716
	3.919.318.832	3.919.318.832	3.674.658.427	3.674.658.427

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Milliket**Báo cáo tài chính**

1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	568.367.859	13.614.914.597	14.183.282.456	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	80.966.700	80.966.700	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.778.269.917	6.448.799.601	7.367.835.898	-	1.859.233.620
Thuế Thu nhập cá nhân	40.891.330	-	5.944.864.638	5.530.127.222	-	373.846.086
Thuế Tài nguyên	-	2.775.920	27.964.720	28.285.600	-	2.455.040
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	8.965.959.036	8.965.959.036	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	184.558.967	184.558.967	-	-
	40.891.330	3.349.413.696	35.271.028.259	36.344.015.879	-	2.235.534.746

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.057.951.700	3.059.604.700
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển bán hàng siêu thị	521.005.256	513.083.170
- Trích trước tiền thưởng doanh số	5.482.794.945	6.685.782.511
- Trích trước chi phí vận chuyển thuê ngoài	109.279.049	91.054.457
- Trích trước chi phí hàng trưng bày	87.876.979	186.675.296
- Trích trước chi phí VIP Shop	292.923.264	622.250.986
- Trích trước chi phí gia công	244.079.630	-
- Trích trước chi phí Sale	4.335.820.730	4.293.268.627
- Trích trước chi phí sửa chữa	-	1.127.105.973
- Chi phí phải trả khác	140.000.000	304.729.016
	13.271.731.553	16.883.554.736

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi tiết		
- Kinh phí công đoàn	491.467.660	391.348.440
- Bảo hiểm xã hội	709.800	709.800
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	62.905.000	233.905.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.589.083.294	1.628.628.066
- Quỹ an sinh xã hội	-	62.590.274
- Phải trả về tiền lương và thuế TNCN thu hộ	19.980.000	1.038.570.138
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	211.879.803	561.640.673
	2.376.025.557	3.917.392.391
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ban Tổng Giám đốc	19.980.000	1.038.570.138
	19.980.000	1.038.570.138

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự phòng nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước (*)	5.933.295.500	5.933.295.500
	5.933.295.500	5.933.295.500

(*) Theo Kết luận thanh tra số 5918/KL-STNMT-TTr ngày 30/06/2023 về việc chấp hành pháp luật đất đai theo Quyết định số 1235/QĐ-STNMT-TTr ngày 23/05/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty có khả năng bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền từ 5.000.000 VND đến 10.000.000 VND và buộc nộp lại số tiền 7.200.000.000 VND về hành vi cho thuê tài sản gắn liền với đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm mà không đủ điều kiện tại địa chỉ nhà đất số 1374 Võ Văn Kiệt, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại, Công ty đang tích cực làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để tìm phương hướng giải quyết. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã ước tính và ghi nhận khoản dự phòng phải trả với số tiền 5.933.295.500 VND căn cứ vào những đánh giá, xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty về số tiền có khả năng sẽ phải chi ra để thực hiện nghĩa vụ này (Thuyết minh 28).

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	48.000.000.000	59.768.291.333	20.208.729.979	21.440.356.647	149.417.377.959
Lãi trong năm trước	-	-	-	20.919.462.600	20.919.462.600
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.225.551.518	(4.225.551.518)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.169.163.413)	(3.169.163.413)
Trích Quỹ an sinh xã hội	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.480.000.000)	(12.480.000.000)
Tăng tài sản từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển	-	12.838.070.509	(12.838.070.509)	-	-
Số dư cuối năm trước	48.000.000.000	72.606.361.842	11.596.210.988	21.585.104.316	153.787.677.146
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	72.606.361.842	11.596.210.988	21.585.104.316	153.787.677.146
Lãi trong năm nay	-	-	-	23.051.780.620	23.051.780.620
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	4.183.892.520	(4.183.892.520)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.137.919.390)	(3.137.919.390)
Trích Quỹ an sinh xã hội (*)	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(12.480.000.000)	(12.480.000.000)
Tăng tài sản từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển	-	1.418.972.077	(1.418.972.077)	-	-
Số dư cuối năm nay	48.000.000.000	74.025.333.919	14.361.131.431	23.935.073.026	160.321.538.376

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-CM-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100	20.919.462.600
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,39	500.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00	4.183.892.520
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00	3.137.919.390
Trích Quỹ an sinh xã hội	1,91	400.000.000
Chia cổ tức	59,66	12.480.000.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.600 VND)		
Lợi nhuận chưa phân phối	1,04	217.650.690

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	30,72	14.744.000.000	30,72	14.744.000.000
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV	20,00	9.600.000.000	20,00	9.600.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	20,08	9.636.000.000	20,08	9.636.000.000
- Ông Trịnh Việt Dũng	9,71	4.661.000.000	9,71	4.661.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	5,53	2.655.000.000	5,87	2.816.000.000
- Các cổ đông khác	13,96	6.704.000.000	13,62	6.543.000.000
	100	48.000.000.000	100	48.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	48.000.000.000	48.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	48.000.000.000	48.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	1.628.628.066	1.641.376.666
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	12.480.000.000	12.480.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.480.000.000	12.480.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(12.519.544.772)	(12.492.748.600)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(12.519.544.772)	(12.492.748.600)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	1.589.083.294	1.628.628.066

d) Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		
e) Các quỹ của Công ty	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.361.131.431	11.596.210.988
	14.361.131.431	11.596.210.988

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm sau:

- Hợp đồng thuê đất tại số 3 Tô Vĩnh Diện, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm xưởng sản xuất và kho chứa hàng. Thời hạn thuê từ năm 1996 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Diện tích khu đất thuê là 8.590,7 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 38 Tô Vĩnh Diện, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm cửa hàng thương mại dịch vụ. Thời hạn thuê từ năm 2012 đến năm 2056. Diện tích khu đất thuê là 1.666,4 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 1230 Kha Vạn Cân, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm văn phòng, xưởng sản xuất, kho chứa hàng, cửa hàng kinh doanh giới thiệu sản phẩm. Thời hạn thuê từ năm 2008 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Diện tích khu đất thuê là 19.997,2 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 60 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm cửa hàng kinh doanh. Thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2058 (đối với phần diện tích không thuộc phạm vi lộ giới 147,1 m²) hoặc đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch (đối với phần diện tích thuộc phạm vi lộ giới 62,6 m²). Tổng diện tích khu đất thuê là 209,7 m²;
- Hợp đồng thuê đất tại số 158-161 Trần Văn Kiểu (số mới 1374 Võ Văn Kiệt), Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng làm kho hàng. Thời hạn thuê từ năm 1996 đến năm 2017. Diện tích khu đất thuê là 1.443 m².

b) Tài sản nhận giữ hộ

STT	Sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Mì	Thùng	38.331
2	Phở	Thùng	826

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	305.657,40	341.321,37

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	740.502.471.001	717.332.453.667
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.901.246.266	5.954.874.387
	744.403.717.267	723.287.328.054
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	82.501.802.353	87.208.008.254

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.689.578.941	3.960.616.017
Hàng bán bị trả lại	-	58.857.630
	4.689.578.941	4.019.473.647

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	534.814.779.504	538.138.943.768
	534.814.779.504	538.138.943.768
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	36.430.367.869	31.256.120.650

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.848.184.886	11.593.448.757
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.318.270.651	537.875.949
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	57.687.160	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	31.464.000
	15.224.142.697	12.162.788.706

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.266.951	21.801.924
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	245.754.199	103.807.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	13.812.026
	255.021.150	139.421.818

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	371.275.774	55.036.737
Chi phí nhân công	41.787.218.906	27.778.181.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.256.222.528	908.032.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.925.437.502	20.160.213.348
Chi phí khác bằng tiền	79.519.021.040	74.264.723.121
	142.859.175.750	123.166.187.568
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	20.077.130.062	12.143.131.451

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	996.140.537	1.015.005.297
Chi phí nhân công	21.224.126.528	14.254.943.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	244.381.892	54.250.775
Thuế, phí, và lệ phí	8.997.003.756	8.724.641.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.673.441	606.369.331
Chi phí khác bằng tiền	15.404.127.654	11.578.117.545
	47.418.453.808	36.233.327.728
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	2.640.000	-

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí nhượng bán, thanh lý, hủy tài sản cố định	46.754.345	-
Các khoản thuế bị truy thu	325.157.548	-
Các khoản bị phạt	319.996.313	14.247.068
Dự phòng nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước	-	5.933.295.500
Chi phí khác	4.472.135	56.044.215
	696.380.341	6.003.586.783

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	29.231.014.240	27.917.732.517
Các khoản điều chỉnh tăng	1.665.153.861	7.073.617.068
- <i>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	1.020.000.000	1.020.000.000
- <i>Dự phòng nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước</i>	-	5.933.295.500
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	645.153.861	120.321.568
Thu nhập tính thuế TNDN	30.896.168.101	34.991.349.585
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	6.179.233.620	6.998.269.917
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	269.565.981	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.778.269.917	2.004.050.225
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.367.835.898)	(6.224.050.225)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.859.233.620	2.778.269.917

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.051.780.620	20.919.462.600
Các khoản điều chỉnh	(4.957.767.093)	(4.037.919.390)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(3.457.767.093)	(3.137.919.390)
- <i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ an sinh xã hội</i>	(1.500.000.000)	(900.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.094.013.527	16.881.543.210
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.800.000	4.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.770	3.517

Căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-CM-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024: Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế năm 2023; Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ an sinh xã hội được trích số tiền 1.500.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	414.115.775.598	437.945.500.792
Chi phí nhân công	142.145.667.816	106.842.372.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.620.672.258	4.068.694.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.312.619.944	49.983.078.201
Chi phí khác bằng tiền	117.830.497.900	96.306.982.372
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	730.025.233.516	695.146.628.300

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.715.429.242	-	-	28.715.429.242
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.717.315.217	5.000.000	-	22.722.315.217
Các khoản cho vay	179.193.850.000	-	-	179.193.850.000
	230.626.594.459	5.000.000	-	230.631.594.459
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.688.820.203	-	-	79.688.820.203
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.432.325.176	-	-	24.432.325.176
Các khoản cho vay	136.536.000.000	-	-	136.536.000.000
	240.657.145.379	-	-	240.657.145.379

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	53.428.016.026	-	-	53.428.016.026
Chi phí phải trả	13.271.731.553	-	-	13.271.731.553
	66.699.747.579	-	-	66.699.747.579
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	53.157.626.511	-	-	53.157.626.511
Chi phí phải trả	16.883.554.736	-	-	16.883.554.736
	70.041.181.247	-	-	70.041.181.247

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	5.140.624.407	3.157.818.400
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	5.140.624.407	3.157.818.400

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/04/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1820/QĐ-UB phê duyệt danh sách các đơn vị sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm cần phải di dời trên địa bàn quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), trong đó bao gồm cơ sở sản xuất của Công ty đặt tại phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức.

Để chuẩn bị công tác di dời, Hội đồng quản trị đã thông qua Biên bản họp số 05/BB-HĐQT.COMI ngày 25/11/2022 thống nhất giao Ban điều hành nghiên cứu đề xuất đơn vị tư vấn lập dự án, phương án đầu tư di dời và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Đến ngày 22/12/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD thông qua chủ trương di dời nhà máy ra khỏi khu dân cư.

Vào ngày 09/10/2023, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành và báo cáo kết quả khảo sát đầu tư nhà máy tại Miền Bắc và Miền Nam. Hội đồng quản trị đã thông qua báo cáo kết quả khảo sát đầu tư nhà máy tại Miền Bắc và Miền Nam của Ban điều hành. Hội đồng quản trị ưu tiên đầu tư di dời nhà máy tại Miền Nam trước để ổn định sản xuất kinh doanh và sẽ thành lập Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoạt động một cách độc lập để quản lý dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ nhà máy, tìm kiếm nhà cung cấp thiết bị máy móc và đấu thầu mua sắm theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 10/09/2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CM-HĐQT thông qua chủ trương lựa chọn các đơn vị nhằm mục đích: quản lý và phát triển; thiết kế dự án; định giá lô đất đi thuê; cung cấp dịch vụ tài chính phục vụ dự án bằng hình thức đấu thầu chào giá cạnh tranh.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh lương thực, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	663.451.472.212	76.262.666.114	739.714.138.326
Tài sản bộ phận	296.744.620.599	3.600.117.852	300.344.738.451
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.816.684.450	-	3.816.684.450

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.501.802.353	87.208.008.254
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Cổ đông lớn	80.943.486.301	81.732.335.736
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	22.222.200	-
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	(1)	418.150.000	552.250.000
- Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	(1)	-	1.311.700.400
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	(1)	262.589.756	19.459.880
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - FoodcoMart Đắc Nông	(2)	6.768.500	12.539.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Trà Vinh	(3)	48.296.304	2.920.000.000
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	(4)	600.401.459	645.139.938
- Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	(1)	34.444.410	-
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	24.351.795	-
- Công ty Cổ phần Beyond Communication	(5)	105.999.840	-
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Nếp gấp VINA TOYO	(8)	27.598.768	14.583.300
- Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	7.493.020	-

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ		36.430.367.869	31.256.120.650
- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (1)		11.520.000	5.760.000
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa Cổ đông lớn		160.645.974	-
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần Cổ đông lớn		26.650.728.000	26.845.986.200
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa (4)		166.959.047	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Trà Vinh (3)		3.222.392.289	4.314.929.900
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Long An (3)		364.000.000	3.250.000
- Công ty Lương thực Tiền Giang (3)		99.536.398	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (1)		1.700.000	-
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực (1)		496.067.000	-
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (7)		52.594.456	-
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Nếp gấp VINA TOYO (8)		5.204.224.705	86.194.550
Chi phí bán hàng		20.077.130.062	12.143.131.451
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa Cổ đông lớn		8.853.972.202	9.045.125.306
- Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ (1)		16.000.000	87.710.145
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Trà Vinh (3)		29.407.860	-
- Công ty Cổ phần Beyond Communication (5)		11.000.000.000	3.010.296.000
- Công ty Cổ phần Đào tạo và Huấn luyện Phát triển Doanh nghiệp TC (6)		177.750.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.640.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa (4)		2.640.000	-
Thu nhập khác		-	15.870.000
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần Cổ đông lớn		-	13.480.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Lương thực Trà Vinh (3)		-	2.390.000



Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chia cổ tức		10.736.960.000	10.778.820.000
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	3.833.440.000	3.833.440.000
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	Cổ đông lớn	2.505.360.000	2.505.360.000
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Cổ đông lớn	2.496.000.000	2.496.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Cổ đông lớn	690.300.000	732.160.000
- Ông Trịnh Việt Dũng	Cổ đông lớn	1.211.860.000	1.211.860.000
Tạm ứng		130.000.000	100.000.000
- Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	130.000.000	100.000.000
Hoàn ứng		120.000.000	100.000.000
- Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	100.000.000

- (1) Công ty con của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.
- (2) Chi nhánh của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - công ty con của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.
- (3) Chi nhánh của cổ đông lớn là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần.
- (4) Chi nhánh của cổ đông lớn là Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa.
- (5) Công ty do Bà Lưu Thị Tuyết Mai giữ vai trò Chủ tịch HĐQT.
- (6) Công ty do Ông Trịnh Đặng Khánh Toàn là đồng sở hữu kiêm Giám đốc điều hành.
- (7) Công ty do Ông Hoàng Hùng giữ vai trò Chủ tịch HĐQT.
- (8) Công ty liên doanh của cổ đông lớn là Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	7.445.941.859	7.575.752.914
- Chủ tịch HĐQT	267.333.333	248.444.444
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.866.779.510	1.673.942.643
- Thành viên 1 của HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	846.283.773	666.662.435
- Thành viên 2 của HĐQT	100.000.000	52.222.444
- Thành viên 3 của HĐQT	228.333.333	214.444.444
- Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong năm trước	8.333.333	43.333.111
- Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV (*)	120.000.000	120.000.000
- Thành viên Ban kiểm soát	473.777.778	440.777.778
- Những người quản lý khác	3.535.100.799	4.115.925.615

(*) Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty TNHH MTV đứng ra nhận hộ một phần lương của 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH



Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Tường Pha
Người lập



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025